



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

21

Tháng 11 - 2013

Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF)

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2013



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Chủ tịch VUF, phát biểu tại buổi Lễ



Bấm nút khởi động trang web của VUF

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BỐN

21

SỐ 21- 11/2013

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 1975/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai” 5
- Thông tư số 15/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả” 6
- Thông tư số 23/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân 8
- Thông tư số 17/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng 10

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Cà Mau 11
- Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất do Nhà nước quản lý theo giá thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh 13
- Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố Hà Nội 15



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài biên dịch tiêu chuẩn "Kiểm tra chất lượng bê tông nặng cường độ cao và bê tông cốt liệu nhỏ trong kết cấu thi công toàn khối" 17
- Hội nghị thẩm định "Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050" 18
- Hội thảo Việt - Nhật về quản lý chất lượng và an toàn trong xây dựng 20
- Hội thảo "Sự cố công trình xây dựng - Nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa" 22
- Hội thảo "40 năm hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong xây dựng: Thành tựu và cơ hội - Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, giao thông và địa kỹ thuật" 24
- Hội thảo khoa học quốc tế "Kinh tế và Quản lý xây dựng - Những vấn đề lý luận và thực tiễn" 26
- Giải pháp và khó khăn của hệ thống kỹ thuật thi công xây dựng xanh 27

Thông tin

- Lễ kỷ niệm 55 năm truyền thống (1958 - 2013) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhì của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 31
- Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Diễn đàn Đô thị Việt Nam 32
- Lễ Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và đón nhận Huân chương Lao động hạng II 34
- Chào mừng ngày Đô thị Việt Nam 8/11 và phát động chủ đề "Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh" 36
- Hội nghị góp ý kiến cho Báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 38
- Khai mạc triển lãm quốc tế VietBuild Hà Nội 2013 39
- Sự cần thiết phát triển thị trường cho thuê nhà ở tại Mátxcơva 41
- Con đường và điều kiện phát triển đô thị và nông thôn ở địa khu Cáp Mật, khu tự trị Tân Cương, Trung Quốc 44
- Xây dựng thành phố thông minh - một xu hướng của thế giới 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 1975/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai”

Ngày 30/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1975/QĐ-TTg phê duyệt Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai” với hình thức đầu tư: Xây dựng mới và chuẩn hóa, tích hợp các dữ liệu đất đai hiện có; kế thừa cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đã và đang được đầu tư từ các dự án khác ở Trung ương, các Bộ, ngành, địa phương.

Theo Quyết định này, phạm vi thực hiện, nội dung và hoạt động chủ yếu của Dự án bao gồm: Xây dựng, triển khai, quản lý, vận hành, khai thác, cập nhật hệ thống thông tin đất đai quốc gia thống nhất gồm các dữ liệu đất đai chuyên đề, qua các thời kỳ (xây dựng, triển khai cơ sở dữ liệu đất đai trung tâm và hệ thống quản lý, cập nhật, khai thác tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); kết nối cơ sở dữ liệu đất đai với các ngành có nhu cầu; xây dựng các quy chế cập nhật, khai thác, vận hành hệ thống lâu dài đảm bảo tính đồng bộ, trách nhiệm, đúng thẩm quyền của tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống từ cấp Trung ương đến các cấp địa phương; tổ chức các lớp tập huấn về tích hợp dữ liệu, an ninh bảo mật, an toàn dữ liệu, hệ thống phần mềm gốc, công cụ phát triển, hệ thống thông tin địa lý GIS và vận hành bảo trì hệ thống.

Thời gian thực hiện Dự án chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn 1 dự kiến từ tháng 9/2013 và kết thúc vào tháng 12/2015 triển khai các nội dung: Thiết kế hệ thống thông tin đất đai thống nhất từ Trung ương đến địa phương; xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ việc quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai từ nguồn dữ liệu ở Trung ương hiện có tại Tổng cục Quản lý đất đai, ưu

tiên xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa; xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai cho 3 huyện của 3 tỉnh đại diện ba miền Bắc, Trung, Nam có đủ điều kiện cơ bản đã hoàn thành việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, xây dựng hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai là sản phẩm của 9 tỉnh thuộc Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai của 41 huyện điểm thuộc Dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; chuẩn hóa và tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi một đơn vị cấp huyện tại hai địa phương đã bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai bằng kinh phí địa phương là tỉnh Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh; kết nối cơ sở dữ liệu đất đai với các ngành có nhu cầu, trước mắt ưu tiên các ngành Thuế, Ngân hàng, Xây dựng, Giao thông vận tải; xây dựng các quy chế cập nhật, khai thác, vận hành hệ thống lâu dài đảm bảo tính đồng bộ, trách nhiệm, đúng thẩm quyền của tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống từ cấp Trung ương đến các cấp địa phương; tổ chức các lớp tập huấn về tích hợp dữ liệu, an ninh bảo mật, an toàn dữ liệu, hệ thống phần mềm gốc, công cụ phát triển, hệ thống thông tin địa lý và vận hành bảo trì hệ thống. Giai đoạn 2: Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, triển khai các nội dung còn lại.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Thông tư số 15/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả”

Ngày 26/9/2013, Bộ Xây dựng đã có Thông tư số 15/2013/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả” quy định những yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ khi thiết kế, xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình dân dụng (văn phòng, khách sạn, bệnh viện, trường học, thương mại, dịch vụ, chung cư) có tổng diện tích sàn từ 2.500 m² trở lên.

Những quy định trong Quy chuẩn này được áp dụng cho lớp vỏ công trình, ngoại trừ lớp vỏ của các không gian làm kho chứa hoặc nhà kho không sử dụng điều hòa; trang thiết bị công trình (bao gồm: hệ thống chiếu sáng nội thất, hệ thống thông gió và điều hòa không khí, thiết bị đun nước nóng, thiết bị quản lý năng lượng, thang máy và thang cuốn).

Theo Quy chuẩn này, lớp vỏ công trình phải được thiết kế và xây dựng nhằm đảm bảo: Thông thoáng tự nhiên khi các điều kiện khí hậu bên ngoài cho phép; đủ khả năng cách nhiệt và giảm thiểu gió lạnh; đủ khả năng chiếu sáng tự nhiên dưới các điều kiện cho phép thông thường, đồng thời giảm thiểu bức xạ mặt trời xâm nhập vào bên trong công trình; lựa chọn các vật liệu thích hợp làm tăng hiệu suất năng lượng cho công trình. Về thông gió tự nhiên và thông gió nhân tạo, đối với từng không gian cụ thể, hệ thống thông gió có thể là thông gió tự nhiên (thụ động) hoặc thông gió cưỡng bức (chủ động - thông gió nhân tạo hoặc thông gió cơ khí). Các vùng không gian được xem là có thông gió tự nhiên nếu chúng thỏa mãn các yêu cầu sau: Các lỗ thông gió, cửa sổ có thể mở được ra bên ngoài với diện tích không nhỏ hơn 5% diện tích sàn và người sử dụng dễ dàng tiếp cận được với các lỗ thông thoáng này; phải có lỗ thông gió có thể mở được phía trên trần nhà

hoặc trên tường đối diện với nguồn gió từ bên ngoài và các lỗ thông gió đó có tỉ lệ diện tích mở được không nhỏ hơn 5% so với diện tích sàn, người sử dụng có thể tiếp cận dễ dàng các lỗ cửa thông gió này và chúng phải trực tiếp thông ra bên ngoài qua các lỗ mở có diện tích tương đương hoặc lớn hơn; tổng diện tích các cửa thoát gió không nhỏ hơn tổng diện tích các cửa đón gió.

Các không gian không được thông gió tự nhiên phải được lắp đặt hệ thống thông gió cơ khí để cấp không khí từ bên ngoài tới mỗi không gian có người sử dụng thường xuyên qua hệ thống ống dẫn.

Ngoài các yêu cầu chung, các hệ thống thông gió cơ khí và điều hòa không khí còn phải đáp ứng được các yêu cầu bổ sung sau: Cảm biến CO₂ phải được lắp đặt để làm tăng lượng gió cấp vào các không gian với tiêu chuẩn diện tích thiết kế nhỏ hơn 3 m²/người; các quạt thông gió hoạt động không thường xuyên phải có các đồng hồ đo thời gian hoặc các thiết bị điều khiển tự động có thể xác định thời điểm và khoảng thời gian làm việc của chúng; các ống gió cấp và gió tuần hoàn phải đáp ứng được các yêu cầu về ghép nối các ống dẫn gió và bảo ôn theo quy định hiện hành.

Quy chuẩn này cũng quy định những giá trị giới hạn công suất chiếu sáng tối đa được dùng cho hệ thống chiếu sáng công trình cũng như quy định các giá trị giới hạn về hiệu suất cho phép của những thiết bị chiếu sáng thông dụng (đèn và chấn lưu) và hệ thống điều khiển chiếu sáng. Độ rọi (lux) nhỏ nhất cho các không gian chức năng phải đảm bảo yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Mật độ công suất chiếu sáng trung bình của tòa nhà được tính bằng tổng số công suất chiếu sáng công trình

chia cho tổng diện tích có người sử dụng. Các dạng công trình khác có quy mô thuộc diện điều chỉnh của Quy chuẩn mà không có trong danh sách ở bảng quy định tại Quy chuẩn thì được lấy trị số mật độ công suất chiếu sáng tối đa tới 13 W/m². Công trình hỗn hợp có quy mô thuộc diện điều chỉnh của Quy chuẩn, trong đó có nhiều khu chức năng khác nhau thì được tính theo chức năng từng khu vực. Mật độ công suất chiếu sáng trung bình của khu vực đỗ xe được tính bằng tổng công suất chiếu sáng khu vực đỗ xe chia cho tổng diện tích khu đỗ xe. Mỗi không gian được bao quanh bởi các tấm vách ngăn cao đến trần là một không gian riêng biệt cần phải có ít nhất một thiết bị điều khiển chiếu sáng. Mỗi thiết bị điều khiển chiếu sáng được điều khiển bằng tay hoặc bằng cảm ứng tự động cho hoạt động của con người trong không gian đó. Đối với không gian khép kín có chiếu sáng tự nhiên, việc chiếu sáng nhân tạo cần chú ý những vấn đề sau: Vùng có thể được chiếu sáng tự nhiên là khu vực nằm song song với cửa sổ/vách kính ngoài trong phạm vi khoảng cách từ cửa sổ/vách kính ngoài tới 1,5 lần chiều cao từ sàn tới điểm cao nhất của phần kính cửa sổ hoặc vách kính ngoài; tất cả thiết bị chiếu sáng nằm trong khu vực có thể được chiếu sáng tự nhiên đều phải có thiết bị điều khiển chiếu sáng (theo cách sau: Sử dụng cảm biến ánh sáng để tự động điều khiển giảm độ sáng đèn, hoặc bật tắt đèn theo mức nhận ánh sáng tự nhiên; cho phép bật tắt đèn riêng biệt tại vùng có thể được chiếu sáng tự nhiên so với hệ thống đèn chiếu sáng chung); khi không gian có sử dụng đồng thời cảm biến người và cảm biến ánh sáng thì cảm biến người được phân quyền ưu tiên cao hơn so với cảm biến ánh sáng khi điều khiển đèn.

Theo Quy chuẩn này, thang cuốn phải có thiết bị điều khiển để giảm tốc hay dừng khi không có người qua lại, và phải có một trong những tính năng tiết kiệm năng lượng dưới đây: Thang cuốn phải chuyển sang chế độ chạy

chậm sau khi không có người qua lại tối đa 3 phút, phải có thiết bị cảm biến quang điện kích hoạt đặt ở đầu và cuối khu vực thang; thang cuốn phải tự tắt sau khi không có người qua lại tối đa 15 phút, thang cuốn sử dụng khi có nhu cầu phải được thiết kế với công nghệ khởi động mềm tiết kiệm năng lượng, thang cuốn phải tự động chạy khi cần và việc kích hoạt được thực hiện bằng tế bào quang điện lắp ở đầu và cuối khu vực thang. Thang máy phải có thiết bị điều khiển để giảm mức sử dụng năng lượng (sử dụng động cơ điện xoay chiều đa tần, đa thế, thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng...).

Hệ thống đun nước nóng trong công trình phải đảm bảo: Tải thiết kế của hệ thống tính toán theo quy mô kích cỡ của thiết bị và phải tuân theo các quy định của nhà sản xuất. Trong trường hợp có thể sử dụng được các giải pháp cấp nước nóng khác có hiệu quả kinh tế lớn hơn thì công trình không được phép sử dụng giải pháp cấp nước nóng dùng điện trở. Khi công trình có nhu cầu cung cấp nước nóng lớn, tập trung, công suất lắp đặt trên 50 kW hoặc tiêu thụ năng lượng trên 50.000 kWh/năm không được phép sử dụng giải pháp cấp nước nóng dùng điện trở. Các thiết bị đun nước nóng bằng điện trở không khuyến khích sử dụng trừ khi dùng để hỗ trợ cho các hệ thống bằng năng lượng mặt trời. Khuyến khích sử dụng thiết bị gia nhiệt nước bằng bơm nhiệt chạy điện do có hiệu suất năng lượng cao hơn so với bộ đun nước bằng điện trở. Trong trường hợp cho phép, có thể sử dụng các hệ thống đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời để cung cấp toàn bộ hoặc một phần nhu cầu nước nóng cho công trình. Các bình đun nước dùng năng lượng mặt trời có hiệu suất tối thiểu là 60% và có giá trị R cách nhiệt tối thiểu là 2,2 m².K/W của mặt sau tấm hấp thụ năng lượng mặt trời.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2013.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 23/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân

Ngày 18/10/2013, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 23/2013/TT-BCT quy định nội dung, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân.

Theo quy định tại Thông tư này, thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân gồm các bước: Thiết kế cơ sở là thiết kế được thực hiện trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, bảo đảm thể hiện được các thông số kỹ thuật chủ yếu phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, là căn cứ để triển khai các bước thiết kế tiếp theo; Thiết kế kỹ thuật là thiết kế được thực hiện trên cơ sở Thiết kế cơ sở trong dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt, bảo đảm thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật và vật liệu sử dụng phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, là căn cứ để triển khai các bước thiết kế bản vẽ thi công; Thiết kế bản vẽ thi công là thiết kế bảo đảm thể hiện được đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, đảm bảo đủ điều kiện để triển khai thi công xây dựng công trình; các bước thiết kế khác theo thông lệ quốc tế do nhà thầu trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt.

Nội dung Thiết kế cơ sở theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định 70/2010/NĐ-CP ngày 22/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về nhà máy điện hạt nhân và bổ sung các nội dung sau: Căn cứ lập thiết kế cơ sở; phương án cung cấp nhiên liệu và quản lý, lưu giữ nhiên liệu đã qua sử dụng; phương án đấu nối với hệ thống điện quốc gia; phương án cung cấp nước kỹ thuật và nước làm mát; khối lượng xây dựng và lắp đặt chủ yếu;

phương án tổ chức xây dựng sơ bộ; các tài liệu khác liên quan. Thiết kế kỹ thuật phải phù hợp với Thiết kế cơ sở và Dự án đầu tư được duyệt, gồm các nội dung chính sau: Căn cứ lập Thiết kế kỹ thuật; danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng; thuyết minh chung (mô tả chung địa điểm xây dựng, điều kiện tự nhiên, địa lý, cơ sở hạ tầng, kết nối với hệ thống giao thông và thông tin liên lạc, công suất nhà máy, công nghệ được lựa chọn, các tòa nhà, thiết bị, hệ thống chính và yêu cầu cơ bản đối với nhà máy); các yêu cầu thiết kế (các yêu cầu thiết kế kỹ thuật đối với các thiết bị chính như lò phản ứng, tuabin, máy phát và các thiết bị khác; các hệ thống chính như hệ thống cung cấp hơi chính, các hệ thống đảm bảo an toàn, hệ thống quản lý và lưu giữ nhiên liệu đã qua sử dụng, hệ thống xử lý và lưu giữ chất thải phóng xạ, hệ thống điện, hệ thống đo lường, điều khiển, bảo vệ, hệ thống thông gió và điều hòa không khí và các hệ thống đồng bộ khác; và các yêu cầu về an toàn; các yêu cầu thiết kế kiến trúc, kết cấu.

Đặc tính kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật và các thiết bị gồm tổng quan của hệ thống kỹ thuật, nguyên lý thiết kế, đặc tính kỹ thuật chính, yêu cầu thử nghiệm, kiểm tra đối với các hệ thống, thiết bị sau: Lò phản ứng; hệ thống làm mát lò phản ứng; tuabin, máy phát điện; hệ thống hơi chính, hệ thống bình ngưng và làm mát bình ngưng; hệ thống an toàn; hệ thống đo lường, điều khiển và bảo vệ; hệ thống điện tự dùng nhà máy và hệ thống cấp điện khẩn cấp; sân phân phối và đấu nối với hệ thống điện Quốc gia; hệ thống xử lý, lưu giữ và quản lý, nhiên liệu, nhiên liệu đã sử dụng; hệ thống xử lý và lưu giữ chất thải phóng xạ; hệ thống bảo vệ và kiểm soát phóng xạ; hệ thống thông gió

và điều hòa không khí; hệ thống cấp nước kỹ thuật; hệ thống hơi tự dùng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy chữa cháy; hệ thống thiết bị của Trung tâm huấn luyện; hệ thống thiết bị của Trung tâm ứng phó sự cố; các hệ thống khác của nhà máy.

Giải pháp kiến trúc, kết cấu xây dựng và vật liệu xây dựng gồm giải pháp kiến trúc, kết cấu xây dựng và vật liệu xây dựng đối với các hạng mục công trình chính và các công trình phụ trợ sau: Tòa nhà lò; tòa nhà tuabin; tòa nhà ứng phó sự cố; tòa nhà điều khiển, điều hành; tòa nhà xử lý, cấp nước và các bể chứa nước; tòa nhà cấp điện dự phòng; tòa nhà phụ trợ; Trung tâm huấn luyện; cơ sở lưu giữ nhiên liệu và nhiên liệu đã sử dụng; cơ sở lưu giữ và xử lý chất thải phóng xạ; cảng và đê chắn sóng; hệ thống kho, xưởng và các công trình đồng bộ khác.

Thiết kế bản vẽ thi công do nhà thầu thực hiện theo thông lệ quốc tế và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau: Phù hợp với Thiết kế kỹ thuật được duyệt; đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng; đảm bảo các quy định về an toàn, môi trường, phòng cháy chữa cháy; bản vẽ thi công được lập, phê duyệt đáp ứng tiến độ thi công xây dựng công trình; các bản vẽ phải đảm bảo thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, đảm bảo đủ điều kiện để thi công xây dựng công trình. Trong đó, bản vẽ Tổng mặt bằng, mặt bằng, mặt cắt của các hạng mục công trình phải thể hiện đầy đủ vị trí và kích thước của các chi tiết kết cấu, thiết bị công nghệ, có biểu liệt kê khối lượng xây lắp và thiết bị của hạng mục công trình đó, chất lượng quy cách của từng loại vật liệu, cấu kiện điển hình được gia công sẵn, có thuyết minh hướng dẫn về trình tự thi công, các yêu cầu về kỹ thuật an toàn lao động trong thi công. Bản vẽ chi tiết các bộ phận công trình phải thể hiện đầy đủ vị trí, kích thước, quy cách

và số lượng từng loại vật liệu, cấu kiện, có ghi chú cần thiết cho người thi công. Bản vẽ chi tiết về lắp đặt thiết bị công nghệ phải thể hiện đầy đủ vị trí, kích thước, quy cách và số lượng của từng loại thiết bị, cấu kiện, linh kiện và vật liệu, những ghi chú cần thiết cho người thi công và hướng dẫn của nhà máy chế tạo thiết bị. Biện pháp thi công phải thể hiện tiến độ, trình tự, nhân lực và thiết bị thi công các hạng mục công trình, biện pháp đảm bảo an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, biện pháp phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường, biện pháp hoàn trả mặt bằng và di chuyển máy, thiết bị ra khỏi công trường sau khi hoàn thành công trình. Biểu tổng hợp khối lượng xây lắp, thiết bị, vật liệu của từng hạng mục công trình và toàn bộ công trình phải thể hiện đầy đủ quy cách, số lượng của từng loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị.

Theo Thông tư này, thiết kế xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân được thay đổi, điều chỉnh khi có yêu cầu phải thay đổi hoặc trong quá trình thi công cần phải thay đổi, điều chỉnh thiết kế để đảm bảo an toàn, chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư của dự án. Trường hợp điều chỉnh thiết kế làm thay đổi địa điểm, quy hoạch xây dựng, mục tiêu, quy mô hoặc làm vượt tổng mức đầu tư đã được duyệt của công trình thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt. Trường hợp điều chỉnh thiết kế làm thay đổi Thiết kế kỹ thuật thì chủ đầu tư phải báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định. Trường hợp thay đổi Thiết kế bản vẽ thi công mà không làm thay đổi Thiết kế kỹ thuật được duyệt thì chủ đầu tư được sửa đổi thiết kế. Các thay đổi so với Thiết kế thi công đã được duyệt phải được thể hiện trong Bản vẽ hoàn công.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2013.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Thông tư số 17/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng

Ngày 30/10/2013, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 17/2013/TT-BXD hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.

Thông tư này hướng dẫn việc xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn Nhà nước trở lên, bao gồm vốn ngân sách Nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của Nhà nước.

Về nguyên tắc, chi phí khảo sát xây dựng là toàn bộ chi phí cần thiết để hoàn thành các loại công tác khảo sát xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát được duyệt theo quy định hiện hành. Chi phí khảo sát xây dựng được xác định phải phù hợp với các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng, các bước thiết kế, loại công tác khảo sát xây dựng và các quy định có liên quan. Quản lý chi phí khảo sát xây dựng bao gồm quản lý định mức dự toán, đơn giá và dự toán chi phí khảo sát xây dựng. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán chi phí khảo sát xây dựng sau khi đã thẩm định hoặc thẩm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phê duyệt dự toán chi phí khảo sát xây dựng. Dự toán chi phí khảo sát xây dựng được duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu và là căn cứ để đàm phán, ký kết hợp đồng khảo sát xây dựng trong trường hợp chỉ định thầu. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trong việc đảm bảo chất lượng công tác khảo sát xây dựng và quản lý chi phí khảo sát xây dựng của công trình.

Theo hướng dẫn của Thông tư này, tùy theo yêu cầu kỹ thuật, điều kiện cụ thể để thực hiện các công tác khảo sát xây dựng của từng công trình, dự án, Chủ đầu tư có thể xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng trên cơ sở vận dụng một phương pháp hoặc kết hợp các phương

pháp xác định dự toán. Xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng trên cơ sở khối lượng và đơn giá khảo sát xây dựng: Dự toán chi phí khảo sát xây dựng được xác định dựa trên cơ sở khối lượng công tác khảo sát (theo nhiệm vụ khảo sát và phương án kỹ thuật khảo sát được duyệt), đơn giá khảo sát xây dựng (vận dụng đơn giá khảo sát xây dựng theo công bố của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tính toán đơn giá khảo sát xây dựng từ hao phí định mức dự toán khảo sát xây dựng) và các yếu tố chi phí có liên quan theo giá thị trường. Xác định dự toán chi phí khảo sát xây dựng trên cơ sở vận dụng đơn giá khảo sát xây dựng của công trình tương tự: Dự toán chi phí khảo sát xây dựng được xác định dựa trên cơ sở vận dụng đơn giá các công tác khảo sát xây dựng của những công trình có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công tương tự đã và đang thực hiện.

Dự toán chi phí khảo sát xây dựng bao gồm các khoản mục chi phí sau: Chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công để hoàn thành công tác khảo sát xây dựng), chi phí chung (bao gồm các chi phí quản lý của doanh nghiệp thực hiện công tác khảo sát xây dựng, chi phí điều hành sản xuất tại công trường, chi phí phục vụ công nhân, chi phí phục vụ thi công tại công trường và một số chi phí khác), thu nhập chịu thuế tính trước (là khoản lợi nhuận của nhà thầu thực hiện công tác khảo sát xây dựng được dự tính trước trong dự toán chi phí khảo sát xây dựng), chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng (là chi phí cho việc lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ khảo sát được duyệt), chi phí lập báo cáo kết quả xây dựng (là chi phí cho việc tổng hợp, đánh giá kết

quả khảo sát xây dựng), chi phí chỗ ở tạm thời (là chi phí để đảm bảo chỗ ở tạm cho những người trực tiếp thực hiện công tác khảo sát xây dựng tại hiện trường), chi phí chuyển máy và thiết bị khảo sát (là khoản chi phí để chi trả cho việc di chuyển máy, thiết bị khảo sát phục vụ công tác khảo sát xây dựng, nếu có), thuế giá trị gia tăng (là khoản thuế phải nộp theo quy định của Nhà nước), chi phí dự phòng (là khoản chi phí để dự trù cho khối lượng công việc phát sinh và các yếu tố trượt giá trong thời gian khảo sát xây dựng).

Theo Thông tư này, Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán khảo sát xây dựng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, áp dụng vào việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng. Các Bộ, UBND cấp tỉnh căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng để tổ chức xây dựng và công bố định mức cho các công việc khảo sát xây dựng đặc thù của Bộ, địa phương chưa có trong Định mức dự toán khảo sát xây dựng do Bộ Xây dựng công bố và định kỳ hàng năm gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý. Chủ đầu tư, nhà thầu và các tổ chức tư vấn căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tổ chức điều chỉnh đối với những định mức đã được công bố nhưng chưa phù hợp với công trình, xây dựng các định mức chưa có trong hệ thống định mức đã được công bố hoặc vận dụng định mức các công tác khảo

sát xây dựng tương tự đã và đang sử dụng ở công trình khác để áp dụng cho công trình. Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện lập, điều chỉnh, thẩm tra các định mức khảo sát xây dựng. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm về tính hợp lý, chính xác của các định mức đã thực hiện. Chủ đầu tư quyết định việc áp dụng, vận dụng định mức khảo sát xây dựng được công bố hoặc điều chỉnh, xây dựng mới để lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng. Những dự án trải dài theo tuyến hoặc được xây dựng qua nhiều tỉnh khác nhau, chủ đầu tư quyết định việc áp dụng, vận dụng định mức khảo sát được công bố hoặc bổ sung, điều chỉnh và xây dựng định mức khảo sát để lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng. Trường hợp sử dụng các định mức được điều chỉnh hoặc xây dựng mới để lập đơn giá khảo sát xây dựng trong các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước áp dụng hình thức chỉ định thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Riêng công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thì Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2013.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công

trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Cà Mau để áp dụng tính giá trị bồi thường nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc có trên

đất khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định này, trong trường hợp có vách bên là vách chung, đối với nhà ở loại biệt thự, nhà 1 tầng, nhà 2 tầng, nhà từ 3 tầng đến 9 tầng, trường hợp chung 1 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 3,8%, nếu chung 2 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 7,6%. Đối với nhà 1 tầng, trường hợp chung 1 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 4,9%, trường hợp chung 2 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 9,8%. Trong trường hợp có vách bên là vách nhỡ, đối với nhà ở loại biệt thự, nhà 1 tầng, nhà 2 tầng, nhà từ 3 tầng đến 9 tầng, trường hợp nhỡ 1 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 7,6%, trường hợp nhỡ 2 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 15,2%. Đối với nhà 1 tầng, trường hợp nhỡ 1 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 9,8%, trường hợp nhỡ 2 vách thì lấy đơn giá nhà cùng loại giảm 19,6%.

Giá trị xây mới của nhà ở, công trình xây dựng vật kiến trúc bằng đơn giá xây mới của nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc nhân với diện tích của nhà hoặc khối lượng công trình, vật kiến trúc đó. Đối với nhà 1 tầng (nhà trệt) thì diện tích nhà để tính giá trị là diện tích sàn xây dựng của tầng trệt. Đối với nhà nhiều tầng thì diện tích nhà để tính giá trị là tổng diện tích của các tầng (tầng trệt, các tầng lầu và tầng lửng nếu có). Riêng nhà có gác lửng bằng gỗ ván, thì diện tích gác lửng được xác định riêng để áp dụng đơn giá của gác lửng bằng ván được ban hành tại phụ lục số 3 của Quy định này. Khối lượng công trình xây dựng, vật kiến trúc được xác định thông qua số liệu đo đạc thực tế theo đơn vị tính của công trình xây dựng, vật kiến trúc đó.

Giá trị hiện có (giá trị còn lại) của nhà ở, công trình, vật kiến trúc bằng giá trị xây mới nhà ở, công trình, vật kiến trúc nhân với tỉ lệ chất lượng còn lại của nhà ở, công trình, vật kiến trúc đó.

Trường hợp nhà có đóng trần, ốp gạch trang trí thì giá trị nhà được cộng thêm giá trị diện tích

đóng trần, diện tích ốp gạch trang trí. Trường hợp nhà có vách xây gạch nhưng không tô trát vữa tường thì giá trị nhà phải giảm trừ giá trị diện tích không tô, trát tường. Giá trị xây mới của nhà có bộ phận, kết cấu thay đổi so với loại nhà được ban hành đơn giá tại Quy định bằng giá trị xây mới của nhà đã ban hành đơn giá cộng cho chênh lệch giá trị bộ phận, kết cấu thay đổi (giá trị chênh lệch có thể là số âm hoặc số dương). Chênh lệch giá trị bộ phận, kết cấu thay đổi xác định trên cơ sở sử dụng phương pháp giảm trừ, cộng thêm, cụ thể như sau: Đối với thay đổi có thể xác định cụ thể khối lượng thay đổi thông qua hình thức đo đạc thực tế thì tính bằng khối lượng của bộ phận, kết cấu thay đổi nhân với chênh lệch đơn giá của cấu kiện, kết cấu thay đổi. Đối với thay đổi các kết cấu không xác định cụ thể khối lượng thay đổi thông qua hình thức đo đạc thực tế thì chênh lệch giá trị bộ phận, kết cấu thay đổi được tính toán giảm trừ, cộng thêm theo tỉ trọng kết cấu chính của nhà.

Trường hợp công trình, cơ sở sản xuất bao gồm nhiều hạng mục công trình khác nhau thì phải thực hiện theo nguyên tắc phân loại và xác định riêng giá trị cho từng hạng mục công trình đó. Đối với hệ thống máy móc và các công trình, vật kiến trúc khác có thể tháo dỡ và di chuyển được mà khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất thì chỉ xác định chi phí tháo dỡ, vận chuyển và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thông qua việc lập dự toán cho từng trường hợp cụ thể. Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc có đặc thù riêng, không thể xác định giá trị theo Quy định này thì việc xác định giá trị để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giao cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án căn cứ hồ sơ, chứng từ hợp pháp của việc xây dựng nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc đó, để xác định giá trị cho phù hợp hoặc tổ chức việc xác định giá trị trên theo nguyên tắc lập dự toán xây dựng, chuyển cơ

quan chuyên môn thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Giá hỗ trợ di dời điện, nước, điện thoại, đường truyền internet trong các trường hợp chưa quy định đơn giá tại Bảng đơn giá này thì xác định theo thông báo giá của đơn vị chuyên ngành hoặc hóa đơn, chứng từ thanh

toán của người sử dụng với đơn vị cung cấp dịch vụ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.camau.gov.vn)

**Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND của UBND
Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định
về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất
do Nhà nước quản lý theo giá thị trường
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 17/10/2013, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất do Nhà nước quản lý theo giá thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh (đối với các trường hợp bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, trừ trường hợp bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho đối tượng tái định cư).

Về nguyên tắc, tất cả các trường hợp nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước đã có quyết định hoặc văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND thành phố cho phép mua, bán nhà, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đều phải thực hiện quy trình thẩm định giá; Hội đồng Thẩm định giá thành phố thẩm định lại và trình UBND thành phố phê duyệt.

Theo Quyết định này, hồ sơ thẩm định giá được lập thành 2 bộ, gồm: Văn bản cho phép bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc UBND thành phố; quyết định của UBND thành phố về xác lập quyền sở hữu Nhà nước; văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc theo quy định; bản đồ hiện trạng vị trí đất tỉ lệ 1/500

trên nền địa chính mới do đơn vị tư vấn có chức năng đo đạc bản đồ lập, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra; bản vẽ hiện trạng nhà, vật kiến trúc trên đất và biên bản đánh giá tỉ lệ chất lượng còn lại của nhà, vật kiến trúc trên đất do các đơn vị tư vấn có chức năng lập (nếu có công trình xây dựng trên đất) được cơ quan đơn vị quản lý tài sản ký xác nhận; chứng thư kèm báo cáo kết quả định giá do đơn vị tư vấn có chức năng lập; văn bản đề nghị thẩm định giá của đơn vị đang quản lý, sử dụng nhà, đất.

Giá trị quyền sử dụng đất được xác định trên cơ sở diện tích đất và đơn giá quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất, diện tích đất để tính tiền sử dụng đất khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất được căn cứ theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỉ lệ 1/500 trên nền địa chính mới do đơn vị có chức năng đo đạc bản đồ lập, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra; đối với diện tích đất nằm trong phạm vi quy hoạch lộ giới, hẻm giới, hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, Nhà nước sẽ quản lý thì không phải thẩm định giá trị quyền sử dụng đất phần diện tích đất này; việc phân bổ tiền sử dụng đất đối với trường hợp công trình xây dựng nhiều tầng gắn liền với đất được Nhà nước giao đất cho nhiều đối tượng sử dụng thực hiện theo Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 1,

Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính. Về đơn giá quyền sử dụng đất, đơn giá quyền sử dụng đất do đơn vị tư vấn thẩm định giá xác định và Hội đồng Thẩm định giá thành phố thẩm định lại theo các phương pháp do Chính phủ quy định và các tiêu chuẩn thẩm định giá do Bộ Tài chính ban hành; thông số kỹ thuật được sử dụng nếu áp dụng trong phương pháp thặng dư và phương pháp thu nhập. Giá trị công trình xây dựng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất được tính theo công thức như sau: $G_{CTXD} = Đ_{XD} \times D_{TSXD} \times T_{CLCL}$ trong đó, G_{CTXD} là giá trị xây dựng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất; $Đ_{XD}$ là đơn giá xây dựng mới được xác định căn cứ vào đơn giá công trình xây dựng có kết cấu tương tự theo Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do UBND thành phố ban hành chưa có quy định thì Sở Xây dựng hướng dẫn những trường hợp phát sinh này); D_{TSXD} là diện tích sàn xây dựng căn cứ vào bản vẽ hiện trạng nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất của đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện (đối với diện tích sàn xây dựng có một phần diện tích xây dựng nằm trên đất thuộc quy hoạch Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng được duyệt thì tính toán như sau: Trong trường hợp chưa có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư, vẫn tính giá trị công trình xây dựng theo quy định nêu trên, khi Nhà nước thu hồi sẽ được bồi thường theo quy định; trong trường hợp đã có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án, thì không phải xác định giá trị công trình xây dựng trên phần diện tích này); T_{CLCL} là tỉ lệ chất lượng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất còn lại căn cứ vào biên bản đánh giá tỉ lệ chất lượng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất do đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện.

Theo Quyết định này, người mua trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua nhà, đất cho đơn vị bán đấu giá tài sản trong thời hạn được cơ quan có thẩm quyền thông báo theo quy định. Người trúng đấu giá nộp tiền chậm so với thời hạn quy định thì phải nộp tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế. Trong thời hạn không quá 3 ngày, kể từ ngày người mua trúng đấu giá thanh toán tiền mua nhà, đất và tiền phạt do chậm thanh toán (nếu có), đơn vị bán đấu giá tài sản có trách nhiệm nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh. Đối với trường hợp bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất, người mua có trách nhiệm nộp tiền mua nhà, đất, chuyển nhượng mục đích sử dụng đất vào ngân sách nhà nước trong thời hạn được cơ quan có thẩm quyền thông báo theo quy định. Trường hợp nhà, đất được duyệt bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất, sau khi mức giá được UBND thành phố phê duyệt mà đơn vị, tổ chức, cá nhân được mua nhà, đất không có nhu cầu tiếp tục mua thì toàn bộ chi phí liên quan đến lập thủ tục định giá (chi phí đo vẽ, thuê tư vấn định giá...) do đơn vị, tổ chức, cá nhân mua nhà tạm ứng thanh toán sẽ không được hoàn trả.

Đối với trường hợp người mua đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính về đất theo mức giá đã được UBND thành phố phê duyệt hoặc giá trúng đấu giá và đề nghị thay đổi quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng và được UBND thành phố chấp thuận thì phải xác định nghĩa vụ tài chính để nộp bổ sung theo nguyên tắc: Nghĩa vụ tài chính phải nộp bổ sung được tính theo nguyên tắc là phần chênh lệch tăng thêm giữa giá trị quyền sử dụng đất đã được UBND thành phố phê duyệt theo các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc xác định khi bán đấu giá, bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch điều chỉnh tại thời điểm UBND thành phố cho phép điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc. Đối với trường hợp đặc biệt do Nhà nước quyết định điều chỉnh giảm chỉ tiêu quy hoạch

kiến trúc sau khi người mua đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính về đất thì người sử dụng đất được hoàn trả số tiền sử dụng đất được xác định lại bằng chênh lệch số tiền sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch cũ trừ đi số tiền sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch mới (nếu có). Không xác định nghĩa vụ tài chính để hoàn trả

khi người sử dụng đất đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch giảm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.hochiminhcity.gov.vn)

Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố Hà Nội

Ngày 25/10/2013, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND về việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định này, Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010, cụ thể như sau: Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra thuộc trách nhiệm của Thanh tra Sở, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở; thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của Sở; thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở; hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Sở; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Giám đốc Sở, Thanh tra Sở; kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của thủ trưởng cơ quan

được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở đối với vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở khi cần thiết; thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011, cụ thể như sau: Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, cộng tác viên, công chức làm công tác thanh tra thuộc Sở; tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Sở trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra; tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

Ngoài ra, Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013, cụ thể như sau: Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng (việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng

dự toán, dự toán công trình xây dựng; việc áp dụng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng đối với công trình xây dựng; việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng của nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam; việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng và quản lý theo giấy phép xây dựng; việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật về đấu thầu; việc cấp, thu hồi giấy phép thầu đối với các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam; việc thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam; việc ký kết, thực hiện hợp đồng trong hoạt động xây dựng; việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; việc quản lý chất lượng công trình xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình, thanh toán, quyết toán công trình theo thẩm quyền; việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cấp và quản lý các loại chứng chỉ, chứng nhận hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật; việc thành lập, hoạt động các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng); thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển đô thị (việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc tuân thủ quy định pháp luật trong việc nâng cấp đô thị; việc

đầu tư xây dựng các khu đô thị); thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn thông thường, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, công viên, nghĩa trang, công trình ngầm đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước được giao; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển, quản lý, sử dụng nhà ở, kinh doanh bất động sản, quản lý, sử dụng các công trình công sở trong phạm vi quản lý của Sở; thanh tra việc thực hiện các quy định về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng có điều kiện của pháp luật; thanh tra việc thực hiện các quy định về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo thẩm quyền; chủ trì hoặc tham gia các đoàn thanh tra liên ngành do các Sở, ngành, địa phương thành lập, tham gia các đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ thành lập; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Giám đốc Sở Xây dựng giao.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài biên dịch tiêu chuẩn "Kiểm tra chất lượng bê tông nặng cường độ cao và bê tông cốt liệu nhỏ trong kết cấu thi công toàn khối"

Ngày 30/10/2013, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu Đề tài biên dịch tiêu chuẩn "Kiểm tra chất lượng bê tông nặng cường độ cao và bê tông cốt liệu nhỏ trong kết cấu thi công toàn khối". Tiến sĩ Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, GS. TS. Ngô Thế Phong - Hội Kết cấu và Công nghệ xây dựng Việt Nam - đã báo cáo Hội đồng nghiệm thu về những kết quả của Đề tài. Theo GS.TS Ngô Thế Phong, hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam về thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông cốt thép chủ yếu được chuyển dịch từ tiêu chuẩn của Nga (Liên Xô cũ), tuy đã khá đầy đủ nhưng phần lớn chỉ áp dụng cho bê tông có cấp độ bền từ B60 trở xuống, thiếu tiêu chuẩn áp dụng cho bê tông có cấp độ bền từ B70 trở lên. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã bắt đầu sử dụng bê tông cường độ cao để chế tạo cọc bê tông cốt thép ứng lực trước, và xây dựng các kết cấu nhà nhiều tầng. Chính vì vậy, việc biên dịch tiêu chuẩn "Kiểm tra chất lượng bê tông nặng cường độ cao và bê tông cốt liệu nhỏ trong kết cấu thi công toàn khối" là cần thiết và hợp lý vì tiêu chuẩn này phù hợp với dòng tiêu chuẩn đã biên dịch trước đây như: TCVN 3105:1993 Hỗn hợp bê tông nặng và bê tông nặng - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử; TCVN 9335:2012 Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ...

Nội dung của Dự thảo tiêu chuẩn gồm 7 phần: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Tổng quan; Kiểm tra chất lượng hỗn hợp bê tông; Kiểm tra cường độ bê tông theo mẫu thử lấy từ hỗn hợp bê tông vừa gia công; Kiểm tra cường



Toàn cảnh buổi họp của Hội đồng nghiệm thu

độ bê tông trong kết cấu bằng phương pháp thí nghiệm không phá hủy và kiểm tra cường độ bê tông theo mẫu thử khoan từ kết cấu. Nội dung chính của Dự thảo tiêu chuẩn này được biên dịch từ tiêu chuẩn gốc, kể cả số thứ tự các khoản mục, các công thức và bảng biểu, chỉ có một sự thay đổi duy nhất là chuyển nhiệt độ chuẩn từ $(20\pm 3)^{\circ}\text{C}$ của Nga sang $(27\pm 2)^{\circ}\text{C}$ là nhiệt độ chuẩn của Việt Nam. Dự thảo tiêu chuẩn bao gồm những nội dung nhằm bổ sung và tăng cường độ chính xác cho các tài liệu viện dẫn. Đó là những vấn đề có liên quan đến đặc điểm của bê tông cường độ cao, được rút ra từ những kinh nghiệm trong sản xuất và nghiên cứu thực nghiệm. Trên cơ sở đặc điểm của công nghệ sản xuất bê tông cường độ cao và những đặc tính của vật liệu, việc kiểm tra chất lượng được thực hiện bằng cách áp dụng tổng hợp các dạng kiểm tra và các phương pháp thí nghiệm như: Kiểm tra chất lượng hỗn hợp bê tông theo tính linh động, khối lượng thể tích và những đặc tính bổ sung khác; xác định cường độ bê tông trong một nhóm kết cấu theo mẫu thử lập phương được chế tạo từ những lô hỗn hợp bê tông; xác định cường độ bê tông trong kết cấu bằng phương pháp thí nghiệm không phá hủy, kiểm tra cường độ bê tông bằng các

mẫu khoan từ kết cấu. Việc áp dụng các thí nghiệm và phương pháp nêu trên phụ thuộc vào đặc điểm cụ thể của kết cấu và công trình và cần được đề cập trong bản chỉ dẫn kỹ thuật hay trong thiết kế thi công bê tông ở mọi giai đoạn có liên quan đến công tác kiểm tra chất lượng ở từng hạng mục công trình. Kết luận về cường độ thực tế của bê tông trong kết cấu và sự phù hợp của nó đối với yêu cầu thiết kế được dựa trên cơ sở phân tích một cách tổng hợp các kết quả thí nghiệm theo những phương pháp trên và phải được nêu trong bản chỉ dẫn kỹ thuật.

Phát biểu tại cuộc họp nghiệm thu, các ủy viên phản biện và các thành viên của Hội đồng đều đánh giá cao nỗ lực của nhóm tác giả thực hiện Đề tài trong việc chuyển dịch đầy đủ, trung thành với tiêu chuẩn gốc, văn phong trong sáng, ngữ nghĩa rõ ràng, dễ hiểu, dễ sử dụng.

Tuy nhiên, Hội đồng cũng thống nhất đề nghị nhóm tác giả chỉnh sửa một số thuật ngữ sử dụng trong tiêu chuẩn và tài liệu viện dẫn (như sửa “tính công tác” thành “tính linh động”, “cấp phối danh định” thành “cấp phối chuẩn”, “phụ gia hấp thụ không khí” thành “phụ gia cuốn khí”, “quan hệ thực nghiệm” thành “quan hệ tham chiếu”...) để đảm bảo nội dung thống nhất với các tiêu chuẩn đã ban hành.

Phát biểu kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng đề nghị nhóm tác giả tiếp thu ý kiến của Hội đồng để chỉnh sửa Dự thảo tiêu chuẩn, sớm hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Các kết quả của Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Thu Huyền

Hội nghị thẩm định "Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050"

Ngày 31/10/2013 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị thẩm định "Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050". Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định đại diện cho Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

Tham dự Hội nghị còn có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Đỗ Thông; Chủ tịch UBND thành phố Móng Cái Dương Văn Cơ; đại diện lãnh đạo các Sở, ngành của tỉnh Quảng Ninh; đại diện lãnh đạo một số Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Báo cáo về Nhiệm vụ Quy hoạch chung (QHC) xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, đơn vị tư vấn - Viện Kiến trúc, Quy hoạch



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị đô thị & nông thôn Bộ Xây dựng (VIAP) cho biết: Khu kinh tế (KKT) cửa khẩu Móng Cái nằm ở phía Đông bắc tỉnh Quảng Ninh, bao gồm thành phố Móng Cái, khu công nghiệp cảng biển Hải Hà và 6 xã thị trấn thuộc huyện Hải Hà (diện tích tự nhiên KKT xấp xỉ 121.197 ha, trong đó diện tích đất liền là 66.197 ha và diện tích mặt nước biển là 55.000 ha) được đánh giá là vùng

đất có tiềm năng, lợi thế rất lớn để phát triển thành vùng kinh tế động lực ở Bắc bộ; được xác định là cửa ngõ chủ lực đóng góp tích cực vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Thực hiện Quyết định số 19/2012/QĐ-CP ngày 10/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập KKT cửa khẩu Móng Cái, đồng thời đáp ứng các yêu cầu phát triển, an ninh quốc phòng vùng biên, việc lập QHC xây dựng KKT cửa khẩu Móng Cái là rất cần thiết.

Trên quan điểm phát triển KKT cửa khẩu Móng Cái gắn liền với việc xây dựng và phát triển quan hệ chính trị ổn định Việt - Trung, Nhiệm vụ đã xác định KKT được xây dựng với tính chất là trung tâm phát triển kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ cảng biển của vùng trung du miền núi phía bắc, cửa vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc bộ và đầu mối của hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) và Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Móng Cái - Phòng Thành (Trung Quốc); là trung tâm đầu mối về giao dịch, trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa Việt Nam và Trung Quốc nhằm phù hợp với nội dung “Quy hoạch phát triển vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc bộ đến năm 2020” đã được Thủ tướng phê duyệt. Bên cạnh đó, trong nhiệm vụ, Tư vấn cũng xác định rõ quy mô dân số, đất đai; quy mô đất xây dựng căn cứ theo các dự báo hiện trạng dân số trong phạm vi quy hoạch phát triển KKT và các dự báo về phát triển các ngành; các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính lựa chọn áp dụng trong KKT; đưa ra các phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng, tiềm năng trong các mối quan hệ vùng, đặc biệt trong chuỗi đô thị vệ tinh sinh thái tuyến phía Đông với hai động lực là KKT Móng Cái và Vân Đồn, đảm bảo hội nhập phát triển với Khu thí điểm khai phát trọng điểm Đông Hưng - Quảng Tây - Trung Quốc.

Đồ án cũng thể hiện các đánh giá tổng hợp của Tư vấn về bối cảnh phát triển KKT; các cơ chế chính sách, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc, khu vực Đông Hưng (Trung Quốc), vùng biên giới Việt -

Trung, tình hình phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, của tỉnh Quảng Ninh trong xu thế hội nhập hiện tại và tương lai. Bên cạnh đó, một số dự án, chương trình liên quan đang triển khai cũng được Tư vấn cập nhật, rà soát như Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà. Tư vấn đã tiến hành nghiên cứu các dự án đầu tư có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp như dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A kéo dài đến Trà Cổ - Mũi Ngọc, đường ven sông biên giới Móng Cái, đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái...; rà soát đánh giá mức độ triển khai, chất lượng và khả năng phù hợp của từng dự án với tổng thể chung của toàn khu; đưa ra yêu cầu và những đề xuất về phân khu chức năng, các định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan (trong đó đề xuất bố cục không gian kiến trúc cảnh quan cho toàn bộ KKT và phân vùng chức năng cụ thể; nghiên cứu thiết kế đô thị tổng thể bao gồm các trục, các công trình điểm nhấn, các vùng cảnh quan không gian mở...); định hướng phát triển nhà ở và hệ thống hạ tầng xã hội - hạ tầng kỹ thuật...

Góp ý cho Nhiệm vụ QHC, đại diện các Bộ, ngành đã nhấn mạnh việc cần thiết phải có cơ chế chính sách cho khu phi thuế quan và thuế quan (vì KKT cửa khẩu Móng Cái nằm trong Khu hợp tác kinh tế qua biên giới); các cơ chế đặc biệt để hoạt động kinh tế trong khu vực không ảnh hưởng tới hoạt động quân sự, do vị trí chiến lược hết sức quan trọng của KKT trong vấn đề an ninh quốc phòng của đất nước; xác định các cặp cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc, từ đó có định hướng xây dựng hạ tầng giao thông kết nối trong khu vực cũng như giữa KKT với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đánh giá, về cơ bản, Nhiệm vụ đã bám sát mục tiêu, yêu cầu, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, trong Nhiệm vụ QHC cần đánh giá chi tiết thực trạng

quy hoạch và quản lý quy hoạch; bổ sung dự báo phát triển KKT gắn với sự phát triển của KCN Hải Hà và Vân Đồn; yêu cầu xây dựng các quy chế quản lý quy hoạch và thiết kế đô thị. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cũng lưu ý, đơn vị tư vấn cần tập trung đầu tư chất xám, nguồn lực, học hỏi kinh nghiệm của Đông Hưng (Trung Quốc) nhằm đảm bảo tính khả thi cho Đề án. Thứ trưởng giao UBND tỉnh Quảng Ninh phân

công rõ nhiệm vụ của tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài; chỉ đạo tư vấn hoàn chỉnh Nhiệm vụ QHC trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng và hoàn chỉnh tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 11/2013.

Lệ Minh

Hội thảo Việt - Nhật về quản lý chất lượng và an toàn trong xây dựng

Nhằm thực hiện cam kết giữa hai Chính phủ Việt Nam - Nhật Bản, đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông & Du lịch Nhật Bản (MLIT), ngày 01/11/2013, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức Hội thảo về quản lý chất lượng và an toàn trong xây dựng. Tham dự Hội thảo về phía Bộ Xây dựng có Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị; đại diện Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và một số Cục, Vụ chức năng. Về phía Nhật Bản có ông Yamamoto Kenichi, Phó trưởng đại diện văn phòng JICA tại Việt Nam cùng các chuyên gia JICA và MLIT; đại diện Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam. Đông đảo đại diện các ban ngành TW, đại diện các tổ chức tư vấn và doanh nghiệp xây dựng, đại diện Ban quản lý và các doanh nghiệp tham gia dự án của Nhật Bản đã tới dự Hội thảo.

Hội thảo nằm trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường năng lực đảm bảo chất lượng xây dựng” nhằm giới thiệu các kết quả của Dự án, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý chất lượng của các chuyên gia Nhật Bản đối với nội dung các văn bản quy phạm pháp luật mà Bộ Xây dựng đang chủ trì biên soạn.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị cho biết: Trong giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu khai mạc Hội thảo

hóa đất nước, hoạt động đầu tư xây dựng phát triển nhanh chóng, số lượng công trình xây dựng ngày càng nhiều, yêu cầu kỹ thuật đối với các công trình xây dựng ngày càng cao. Do đó yêu cầu về quản lý nhà nước chất lượng công trình xây dựng nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, đảm bảo môi trường và sự an toàn của cộng đồng ngày càng trở nên cấp thiết. Trong những năm qua, Bộ Xây dựng đã tập trung xây dựng nhiều văn bản quy phạm liên quan tới quản lý chất lượng công trình xây dựng; nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng công trình; tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực liên quan, trong đó có hợp tác với JICA và MLIT.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đã gửi lời cảm ơn tới JICA và MLIT vì quan hệ hợp tác toàn diện và hiệu quả với Bộ Xây



Toàn cảnh Hội thảo

dựng, thể hiện qua nhiều dự án khả thi, đạt được những kết quả khả quan, mà Dự án “Tăng cường năng lực đảm bảo chất lượng công trình xây dựng” là một minh chứng cụ thể. Dự án đã hỗ trợ Bộ xây dựng Nghị định 15 về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các Thông tư, hướng dẫn liên quan; áp dụng thành công một số phương pháp tiên tiến trong quản lý chất lượng công trình, từng bước đưa các phương pháp này vào các văn bản pháp luật; đề xuất nhiều công nghệ mới trong quản lý đầu tư xây dựng, quản lý dự án... Bên cạnh đó, Thứ trưởng cũng đánh giá cao các hoạt động hợp tác hiệu quả khác giữa JICA và Bộ Xây dựng thông qua việc tổ chức các khoá đào tạo tại Nhật Bản cho các chuyên gia, kỹ sư, cán bộ quản lý của Việt Nam; tổ chức các hội thảo, hội nghị tại nhiều tỉnh thành trong cả nước để phổ biến kết quả của Dự án.

Về hiện trạng công tác tăng cường khung pháp lý trên cơ sở các văn bản pháp quy và một số kết quả đạt được của Dự án, Phó Cục trưởng Cục Giám định Hoàng Hải cho biết: Trong gần 9 năm qua, tiếp theo Luật Xây dựng, Nghị định số 209/CP và Nghị định số 49/CP cùng các Thông tư hướng dẫn kèm theo đã hỗ trợ các chủ thể trong hoạt động xây dựng, kiểm soát được chất lượng từ thiết kế, khảo sát đến thi công xây dựng công trình. Nhờ đó, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng đã dần đi vào nề nếp. Tuy vậy, trong quá trình thực hiện các Nghị định này, một số vướng mắc đã

nảy sinh (như trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chưa cụ thể; các vấn đề phân cấp công trình, phân định trách nhiệm chưa được quy định rõ ràng; thiếu biện pháp kiểm tra thông tin năng lực nhà thầu...) đòi hỏi phải rà soát lại các quy định. Dự án “Tăng cường năng lực để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng” đến thời điểm này đã đưa ra được nhiều đề xuất, được pháp lý hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật, và sẽ được đưa tiếp vào Luật Xây dựng sửa đổi trong thời gian tới; cụ thể các nội dung đã đưa vào Nghị định 15/2013/NĐ-CP về lựa chọn nhà thầu, lập chỉ dẫn kỹ thuật, thẩm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, điều chỉnh thiết kế, công tác nghiệm thu công trình, kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước...

Các mô hình quản lý và kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với các nội dung lập chỉ dẫn kỹ thuật (cơ quan quản lý nhà nước theo chuyên ngành đóng vai trò chính trong việc chuẩn hóa Chỉ dẫn kỹ thuật và xây dựng các Sổ tay chất lượng thi công), tăng cường năng lực trong quản lý chất lượng thiết kế (tất cả các dự án sử dụng ngân sách nhà nước đều có các Cục, Vụ chuyên môn thuộc MLIT thực hiện việc kiểm tra thiết kế do tư vấn lập; đối với công trình dân dụng sử dụng vốn tư nhân và nhà nước, chủ đầu tư sẽ được cấp chứng chỉ thiết kế công trình sau khi chính quyền địa phương hoàn tất việc kiểm tra), tăng cường công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước trước khi đưa công trình vào sử dụng, tăng cường quản lý an toàn trong thi công xây dựng đã được các chuyên gia Nhật Bản khuyến nghị áp dụng vào các quy định trong Nghị định 15 và những Thông tư hướng dẫn đi kèm. Bên cạnh đó, từ kinh nghiệm thực tiễn xây dựng tại Nhật Bản, các chuyên gia nước sở tại còn đề xuất ban hành Sổ tay an toàn và vệ sinh lao động trong xây dựng; các tình huống tai nạn và hướng dẫn phòng ngừa tai nạn trong xây dựng.

Tham luận với tiêu đề “Vai trò của công tác quản lý công trường đối với vấn đề đảm bảo chất lượng xây dựng ở Nhật Bản” do ông Masami Shirato - Thanh tra thi công xây dựng Vụ Các vấn đề kỹ thuật Văn phòng Bộ trưởng (MLIT) - trình bày đã đưa ra những đánh giá và so sánh các thách thức chung của Nhật Bản và Việt Nam (mưa bão, lũ lụt...) một cách khách quan. Bài tham luận cũng nêu bật những kinh nghiệm, biện pháp xử lý thích hợp mà các chuyên gia MLIT đã áp dụng để góp phần giảm thiểu thiệt hại, nâng cao chất lượng và an toàn cho các công trình. Các biện pháp được MLIT áp dụng luôn tuân thủ các tiêu chuẩn, tài liệu

hướng dẫn cũng như các thể chế về quản lý chất lượng thi công xây dựng, các công tác liên quan tới an toàn xây dựng như lựa chọn nhà thầu và hợp đồng thi công... Đó là những bài học quý giá cho Việt Nam.

Các phần trình bày hướng dẫn lập quy trình bảo trì cho công trình dân dụng; hệ thống đăng ký, đánh giá, hệ thống cơ sở dữ liệu gói thầu... của chuyên gia JICA và MLIT đã nhận được sự quan tâm lớn của các đại biểu, và đã được thảo luận sôi nổi trong Hội thảo.

Lê Minh

Hội thảo “Sự cố công trình xây dựng - Nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”

Ngày 31/10/2013 tại Hà Nội, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (CLCTXD), Bộ Xây dựng, đã tổ chức Hội thảo “Sự cố công trình xây dựng - Nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”. Hội thảo đã thu hút sự quan tâm của đông đảo đại biểu từ các Cục, Vụ, Viện chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành TW, các hiệp hội tư vấn, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Tới dự và phát biểu chỉ đạo Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị nêu rõ: Chất lượng công trình xây dựng là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với các công trình, nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư của các chủ thể tham gia xây dựng và an toàn cho người sử dụng. Bên cạnh những công trình đáp ứng tốt các yêu cầu về quy mô, công suất, chất lượng thiết kế, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của đất nước, vẫn còn tồn tại nhiều công trình không đảm bảo chất lượng. Thời gian qua, trên địa bàn cả nước đã xảy ra một số sự cố ngay trong giai đoạn thi công xây dựng công trình, gây thiệt hại về người và tài



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu khai mạc Hội thảo

sản. Điển hình là các sự cố sập sàn kho bê tông cốt thép trong lúc đổ bê tông tại Nhà máy Giấy LEE & MAN (Hậu Giang); sập đổ hoàn toàn hệ dầm sàn mái khi đang đổ bê tông công trình Nhà thờ giáo họ Ngọc Lâm (Thái Nguyên); vỡ đập tràn Thủy điện Đắc Mek 3; vỡ đập Thủy điện Ia Krel 2 (Gia Lai); sập đổ tháp anten Trung tâm Kỹ thuật - Phát thanh truyền hình tỉnh Nam Định, tháp anten phát sóng của VOV tại TP Đồng Hới (Quảng Bình)... Bên cạnh đó, nhiều công trình mới đưa vào sử dụng hoặc mới được sửa chữa, nâng cấp đã bộc lộ khiếm khuyết gây bức xúc cho xã hội, như sự bong

tróc, trồi sụt của mặt đường đại lộ Đông Tây, mặt cầu Thăng Long, đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương. Trước thực trạng đó, việc đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, bao gồm đảm bảo an toàn của hồ đập, công trình giao thông, an toàn của hệ thống giàn giáo trong thi công công trình, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn đối với các công trình tại khu vực thường xuyên có gió bão, ngập lụt là vấn đề vô cùng cấp thiết.

Thứ trưởng mong muốn Hội thảo này là dịp để các nhà quản lý, khoa học trao đổi, thảo luận, phân tích sâu hơn những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm từ những sự cố trong thi công xây dựng công trình thời gian qua, đồng thời đề xuất được các giải pháp mang tính đồng bộ nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý chất lượng, thông qua công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, giảm thiểu sự cố công trình, đảm bảo phòng ngừa và khắc phục nhanh chóng, hiệu quả các sự cố trong xây dựng, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng công trình và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Theo ông Lê Quang, Phó cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về CLCTXD, trước đây, hệ thống văn bản pháp luật về quản lý CLCTXD tương đối đầy đủ, tuy nhiên trong quá trình thực hiện, nhiều yếu tố mới xuất hiện, nhiều bất cập phát sinh đòi hỏi phải rà soát, sửa đổi. Trong năm qua, Nghị định 15/2013/NĐ-CP về quản lý CLCTXD (thay thế Nghị định 209/CP) được ban hành đã tăng cường công tác quản lý CLCTXD. Tất cả các hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam trước đây đều được xây dựng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Liên Xô cũ. Do đó, để phù hợp với xu thế hội nhập hiện nay, các nhà quản lý, nhà làm luật của Việt Nam phải học hỏi thêm kinh nghiệm của nhiều nước tiên tiến, có điều kiện tương đồng với Việt Nam, trong đó có Nhật Bản.

Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, vượt quá giới hạn quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn cũ. Đây cũng là một nguyên nhân cơ bản để cơ quan nhà nước tiến hành rà soát, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phù hợp với yêu cầu hiện nay về tăng cường an toàn công trình xây dựng.

Các bài thuyết trình của TS. Nguyễn Đại Minh - Phó Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng “Sự cố đối với công trình tháp thép viễn thông tự đứng”, của ông Nguyễn Ngọc Tình - Sở Xây dựng Quảng Bình “Gió bão phá hoại nhà xây dựng kiên cố như thế nào?” đã nêu bật thực trạng, nguyên nhân cũng như đề ra giải pháp về thiết kế, về kết cấu, vật liệu xây dựng... cho các công trình viễn thông, công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ. Đây là những vấn đề nóng, được xã hội và người dân đặc biệt quan tâm vì có ảnh hưởng trực tiếp tới an sinh xã hội. Bài tham luận của các đại biểu đến từ Bộ GTVT lại đưa ra một góc nhìn khác về các sự cố công trình giao thông như hiện tượng hằn lún vệt bánh xe; phân tích cụ thể các nguyên nhân khách quan (quá trình biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan, chế độ thủy nhiệt nền đường không tốt...), nguyên nhân chủ quan (điều kiện khai thác), đồng thời đề ra giải pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng mặt đường bê tông nhựa, thông qua thiết kế áo đường mềm, chất lượng vật liệu nhựa đường và cốt liệu để sản xuất bê tông nhựa...

Sự cố đối với hồ đập và các công trình thủy lợi, thủy điện; an toàn cháy đối với công trình nhà; các nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa cũng là những chủ đề được các đại biểu quan tâm và thảo luận nhiều tại Hội thảo, nhằm tháo gỡ vướng mắc trong khâu quản lý chất lượng và an toàn cho các công trình dân dụng và công trình công nghiệp.

Lệ Minh

Hội thảo “40 năm hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong xây dựng: Thành tựu và cơ hội - Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, giao thông và địa kỹ thuật”

Ngày 08/11/2013, tại Hà Nội, Tổng Hội Xây dựng Việt Nam đã tổ chức Hội thảo “40 năm hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong xây dựng: Thành tựu và cơ hội - Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, giao thông và địa kỹ thuật”.

Tham dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lai Quang, ông Trần Ngọc Hùng - Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam, ông Takehiko Ono - Chủ tịch thứ 100 của Hội Kỹ sư xây dựng Nhật Bản, lãnh đạo Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT), Tham tán Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, cơ quan hợp tác quốc tế JICA, cùng các chuyên gia trong và ngoài nước về lĩnh vực xây dựng, lãnh đạo các Cục, Vụ trực thuộc bộ Xây dựng.

Hội Thảo quốc tế diễn ra trong 2 ngày 08-09/11/2013, do Tổng Hội Xây dựng Việt Nam và Hội Kỹ sư Xây dựng Nhật Bản cùng tổ chức, dưới sự bảo trợ của: Bộ Xây Dựng, Bộ Khoa học & Công nghệ (Việt Nam), Bộ MLIT Nhật Bản, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Đại sứ quán Nhật Bản. Hội thảo tổ chức nhằm hưởng ứng kỷ niệm 40 năm (1973 - 2013) thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản nhằm tăng cường hữu nghị và giao lưu giữa các nhà quản lý và các chuyên gia, kỹ sư... của hai nước; Giới thiệu những kết quả nghiên cứu công nghệ mới trong xây dựng ở Nhật Bản và Việt Nam, nhất là trong xây dựng công trình ngầm, giao thông, địa kỹ thuật; Trao đổi kinh nghiệm trong việc mở rộng và xúc tiến cơ hội hợp tác về xây dựng Nhật Bản - Việt Nam.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự được nghe 31 báo cáo khoa học của các chuyên gia Việt Nam và Nhật Bản về các chủ đề công trình ngầm, địa kỹ thuật, giao thông, quy hoạch kiến trúc & xây dựng... Trong đó nổi bật là các báo cáo: Kinh nghiệm phát triển hệ thống Metro ở



Thứ trưởng Cao Lai Quang phát biểu tại Hội thảo

Nhật Bản của GS. Shigeru Morichi - Hội Kỹ sư Xây dựng Nhật Bản; Sử dụng không gian ngầm của GS. Jun Matsushita - Hội Kỹ sư Xây dựng Nhật Bản; Công nghệ đào hầm và hạ tầng trong đô thị của ông Kiyoto Kanemaru - Hội Kỹ sư Xây dựng Nhật Bản; Giới thiệu phương pháp ép thủy lực đường ống và sử dụng cho công trình hạ tầng Việt Nam; Ống thép lượn sóng - Một giải pháp thích hợp cho cống chui dân sinh và cống ngang đường ô tô; 40 năm Địa kỹ thuật Việt Nam - Những bài học từ thực tế; Phân tích thiết kế kháng chấn ở Việt Nam...

Bên lề Hội thảo, các vị đại biểu đã tham quan Triển lãm Kỹ thuật giới thiệu thành tựu, sản phẩm mới của một số cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản... trong lĩnh vực xây dựng và tham quan một số công trường xây dựng. Hội thảo là cơ hội cho tất cả các kỹ sư và cán bộ làm việc trong ngành Xây dựng ở Việt Nam, Nhật Bản và các quốc gia khác đến giao lưu và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn và kiến thức về công nghệ kỹ thuật xây dựng tiên tiến hiện nay.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Takehiko Ono - Chủ tịch thứ 100 của Hội Kỹ sư xây dựng Nhật Bản đã bày tỏ niềm vinh dự được góp mặt trong lễ kỷ niệm 40 năm hợp tác Việt Nam - Nhật

Bản. Ông Takehiko Ono cho biết, quan hệ hợp tác giữa Hội Kỹ sư xây dựng Nhật Bản và Việt Nam được bắt đầu từ Hiệp định hợp tác với Tổng hội Xây dựng Việt Nam từ năm 2000, kể từ đó, hai bên đã tổ chức được 7 Hội thảo chuyên đề tại Việt Nam, 3 Hội thảo tại Nhật Bản cùng nhiều hoạt động hợp tác khác. Hội thảo được tổ chức lần này, với mục tiêu tóm tắt và đánh giá các thành tựu đạt được trong các dự án tại Việt Nam, là cơ hội tăng cường hiểu biết lẫn nhau và trao đổi kinh nghiệm về phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt về xây dựng công trình ngầm trong khu vực đô thị.

Tại hội thảo, ông Trần Ngọc Hùng - Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam cũng đánh giá cao sự giúp đỡ của Chính phủ, các tổ chức xã hội, nhân dân Nhật Bản trong nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ. Đặc biệt, trong lĩnh vực xây dựng với nguồn vốn khác nhau, nhiều công trình cầu đường, nhà máy, khách sạn, khu công nghiệp... có quy mô lớn mang dấu ấn của sự hợp tác giữa những người xây dựng Việt Nam - Nhật Bản đã góp phần quan trọng làm thay đổi bộ mặt của đất nước cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Trong thời gian qua, với vai trò là thành viên Hội đồng điều phối các Hội Kỹ thuật xây dựng châu Á và hợp tác giữa Hội Kỹ sư xây dựng Nhật Bản và Tổng hội Xây dựng Việt Nam, hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực như đào tạo, phổ biến kiến thức, tham quan, trao đổi thông tin tư liệu... Thông qua các hoạt động này, các cán bộ, các nhà khoa học, công nhân Việt Nam đã trao đổi, học tập được nhiều kinh nghiệm của các bạn đồng nghiệp Nhật Bản. Với nội dung chủ yếu là tổng kết các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn tập trung vào kỹ thuật xây dựng các công trình ngầm, công trình cầu đường và địa kỹ thuật liên quan, thông qua Hội thảo này, các nhà quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp hai nước cùng đề xuất các cơ hội, sáng kiến hợp tác trong khoa học kỹ thuật, đào tạo,

chuyển giao công nghệ, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn...

Thay mặt cho lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang nhiệt liệt chào mừng các đại biểu, các nhà quản lý, các chuyên gia, doanh nghiệp đã đến dự Hội thảo. Thứ trưởng đánh giá cao và hoan nghênh Tổng hội Xây dựng Việt Nam và Hội Kỹ sư Xây dựng Nhật Bản đã tổ chức Hội thảo này. Đây là cơ hội tốt để những người luôn tâm huyết trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm, giao thông và địa kỹ thuật được chia sẻ và trao đổi thông tin, kinh nghiệm, giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực công trình ngầm, giao thông và địa kỹ thuật. Các nội dung trong Hội thảo đều là những lĩnh vực mà Bộ Xây dựng Việt Nam đang quan tâm, cũng là nhu cầu tất yếu, cần thiết trong việc đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở hạ tầng quan trọng tại Việt Nam. Hội thảo là hoạt động hết sức thiết thực để chào mừng 40 năm quan hệ hợp tác giữa 2 nước Việt Nam - Nhật Bản.

Thứ trưởng cũng khẳng định mối quan hệ của 2 nước đang phát triển ngày càng mạnh mẽ và sâu sắc, Nhật Bản là đối tác chiến lược, là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trong 40 năm qua, nhân dân và Chính phủ Nhật Bản đã hỗ trợ và giúp đỡ hết sức tận tình cho Việt Nam nói chung và ngành Xây dựng Việt Nam nói riêng. Nhiều công trình, dự án, cơ sở hạ tầng quan trọng tại Việt Nam đã được đầu tư xây dựng nhờ sự giúp đỡ, hỗ trợ của Chính phủ, tổ chức, các doanh nghiệp và chuyên gia đến từ Nhật Bản. Thứ trưởng trân trọng cảm ơn Chính phủ Nhật Bản, Bộ MLIT, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, tổ chức hợp tác quốc tế JICA, các doanh nghiệp, các chuyên gia Nhật Bản vì sự giúp đỡ chí tình dành cho ngành Xây dựng Việt Nam trong suốt 40 năm qua, và chúc cho quan hệ hai nước luôn phát triển mạnh mẽ.

Bích Ngọc

Hội thảo khoa học quốc tế “Kinh tế và Quản lý xây dựng - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”

Ngày 08/11/2013, nhân dịp kỷ niệm 50 năm đào tạo và phát triển ngành Kinh tế và Quản lý xây dựng, 40 năm ngày thành lập Viện Kinh tế xây dựng, tại hội trường trường Đại học Xây dựng, trường Đại học Xây dựng và Bộ Xây dựng đã đồng tổ chức buổi Hội thảo khoa học quốc tế “Kinh tế và quản lý xây dựng - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”.

Tham dự Hội thảo có Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Trần Văn Sơn, Vụ trưởng Vụ Kinh tế xây dựng Phạm Văn Khánh, Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng Trần Hồng Mai, Phó Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam Phạm Sỹ Liêm, Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Lê Văn Thành cùng đông đảo chuyên gia đến từ các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và các chuyên gia trong nước.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định đầu tư xây dựng là quá trình sử dụng các nguồn lực vào hoạt động sản xuất và tái sản xuất nhằm tạo lập, mở rộng tài sản cố định, từng bước tăng cường và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế. Sản phẩm của hoạt động đầu tư xây dựng bao gồm toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, các công trình phục vụ phát triển sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hoạt động đầu tư xây dựng và sự phát triển của ngành Xây dựng gắn liền với sự phát triển chung của đất nước, cả ở khu vực đô thị và nông thôn. Do có quy mô sản xuất lớn và sản phẩm có ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, ngành Xây dựng luôn phải hoàn thiện công tác quản lý để nâng cao đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo sự phát triển cân đối và bền vững. Bộ trưởng cho biết thể chế quản lý đầu tư xây dựng đã liên tục được hoàn thiện để đáp ứng tốt nhất những yêu cầu của thực tiễn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng, hoạt động đầu tư



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội thảo

xây dựng còn tồn tại nhiều vấn đề như thất thoát lãng phí, đầu tư dàn trải, chạy theo phong trào, thiếu quy hoạch và kế hoạch... Vì vậy, đây là Hội thảo có ý nghĩa quan trọng, diễn ra trong bối cảnh công tác quản lý đầu tư xây dựng đang đặt ra nhiều yêu cầu và nội dung cần được đổi mới toàn diện. Đây cũng là dịp để các chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học, các nhà quản lý, những người có nhiều tâm huyết với công tác kinh tế và quản lý xây dựng, thể hiện các quan điểm khoa học liên quan đến các vấn đề bức thiết trong lĩnh vực xây dựng.

Tại buổi Hội thảo, ông Lê Văn Thành, Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng cho biết với truyền thống 58 năm đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng, nhà trường luôn quan tâm gắn liền lý luận với thực tiễn. Ông cũng khẳng định Hội thảo là diễn đàn để các nhà khoa học Việt Nam và quốc tế trình bày những vấn đề nghiên cứu của mình và trao đổi, thảo luận những vấn đề về lý luận và thực tiễn, đào tạo nguồn nhân lực cao trong lĩnh vực Kinh tế và Quản lý xây dựng.

Dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Trần Văn Sơn, các chuyên gia, nhà khoa học quốc tế đến từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ cùng các chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam đã trình bày các tham luận với nội dung chủ yếu là

những vấn đề nóng hổi của thực tiễn ngành Xây dựng Việt Nam như: Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước, kinh tế và quản lý bất động sản và đô thị, đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng, quản lý doanh nghiệp xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng, hợp tác quốc tế về kinh tế và quản lý xây dựng...

Tại Hội thảo này, các nhà khoa học, các chuyên gia đã đưa ra nhiều tham vấn làm cơ sở

cho việc thực hiện các cơ chế, chính sách về Kinh tế và Quản lý xây dựng, góp phần quan trọng để Bộ Xây dựng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong quản lý nhà nước ngành Xây dựng. Những kết quả của Hội thảo sẽ cung cấp những căn cứ khoa học, những gợi ý hữu ích cho xã hội, cho ngành cũng như các tổ chức, cá nhân có liên quan, giúp cho công tác đầu tư xây dựng và công tác quản lý đầu tư xây dựng có hiệu quả cao hơn.

Thu Huyền

Giải pháp và khó khăn của hệ thống kỹ thuật thi công xây dựng xanh

Tính khả thi của thi công xây dựng xanh

Hệ thống tiêu chuẩn của thi công xây dựng xanh đang dần dần được thiết lập.

Hệ thống tiêu chuẩn về thi công xây dựng xanh bao gồm “Tiêu chuẩn đánh giá xây dựng xanh” và các tiêu chuẩn khác có liên quan trực tiếp đến thi công xây dựng xanh như “Hướng dẫn thi công xây dựng xanh”, “Chất lượng xây dựng số 223 năm 2007 của Bộ Xây dựng”, “Tiêu chuẩn đánh giá thi công công trình kiến trúc xanh” GB/T50640-210, “Phạm vi quy tắc thi công công trình kiến trúc xanh”. “Tiêu chuẩn đánh giá kiến trúc xanh” mới sửa đổi cũng sẽ được đưa vào trong yêu cầu của quản lý thi công. Ngoài ra còn có “Chỉ tiêu chủ yếu đánh giá nghiệm thu công trình xây dựng xanh làm mẫu trong ngành xây dựng trên toàn quốc”. Cùng với Bắc Kinh, Thượng Hải tiếp tục đưa ra “Quy trình quản lý thi công xây dựng xanh” (DB11 513- 2008), góp phần hình thành nên hệ thống tiêu chuẩn thi công xây dựng xanh từ khâu chỉ đạo thi công đến khâu đánh giá nghiệm thu.

Hệ thống kỹ thuật thi công xây dựng xanh dần dần được thiết lập và hoàn thiện.

Năm 2010, Trung Quốc công bố “10 hạng mục kỹ thuật mới của ngành Xây dựng” bao

gồm: Kỹ thuật công trình nền móng và kỹ thuật công trình không gian ngầm; kỹ thuật bê tông; kỹ thuật cốt thép và dự ứng lực; kỹ thuật ván khuôn và giàn giáo; kỹ thuật kết cấu thép; kỹ thuật công trình lắp đặt cơ điện; kỹ thuật thi công xây dựng xanh; kỹ thuật chống thấm; kỹ thuật theo dõi và gia cố phòng chống động đất; kỹ thuật ứng dụng thông tin hóa.

Những biện pháp kỹ thuật có thể chọn dùng trong thi công xây dựng xanh bao gồm những công nghệ và thiết bị máy móc giảm tiếng ồn, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả cao; nhà máy gia công và phân phối cốt thép; nâng cao trình độ trước sản xuất; các tấm vật liệu của công trình xây dựng chọn dùng những nguyên liệu dư thừa từ các nhà máy gia công, tiến hành sắp xếp thiết kế các tấm vật liệu để giảm bớt lượng tấm vật liệu cắt thừa ở hiện trường thi công; sử dụng các sản phẩm phải theo tiêu chuẩn của nhà máy sản xuất như phần cứng, phần mềm; kiến trúc nhiều tầng và cao tầng sử dụng hệ thống ván cốp pha có thể tái sử dụng; sử dụng kỹ thuật vận hành của thang máy.

Các biện pháp kỹ thuật thi công và cơ sở thi công công trình sửa chữa và trang trí kiến trúc phải kết hợp tương ứng với các biện pháp thi

công trình như lắp nền tảng, kết cấu và lắp đặt cơ điện... thống nhất sắp đặt, tổng hợp sử dụng. Công tác chuẩn bị và dự tính phải tiến hành cùng lúc với việc sửa chữa và xây dựng công trình. Trước chế tác và lắp đặt kết cấu của thép có chiều rộng phức tạp, chọn dùng quá trình thi công tương tự kỹ thuật thông tin ba chiều của kiến trúc để tránh sai số. Làm tốt công tác phân khu vực kiểm soát lượng điện nước sử dụng.

Về mặt bảo vệ môi trường, ngoài việc chú ý che kín nguyên vật liệu khi vận chuyển và che kín khu vực kho nguyên vật liệu để tránh bụi bẩn, quá trình thi công xây dựng xanh cần phải sử dụng các kỹ thuật khác như: chọn dùng kỹ thuật trộn sẵn bê tông, vôi, đá vôi; chọn dùng thiết bị phòng hộ cách li hiện đại, thực thi phương pháp thi công che kín; kỹ thuật thi công bê tông tự lèn; kỹ thuật phục hồi thảm thực vật và địa hình; kỹ thuật thấm nước mưa ngay tại chỗ (bê tông thấm nước); kỹ thuật làm sạch vô hại của thiết bị đường ống; kỹ thuật ứng dụng và mở rộng đường dẫn rác thải vuông góc; kỹ thuật ngăn bụi làm xanh hóa tại chỗ; kỹ thuật phun giảm bụi ở công trường thi công; nhà vệ sinh có thể dịch chuyển được; kỹ thuật rửa ngược lại của ống máy bơm vận chuyển bê tông; kỹ thuật kiểm tra không phá hủy; chọn dùng kỹ thuật hỗ trợ độ dốc có tính năng tốt về khả năng ngăn nước; kỹ thuật thi công phòng nước lạnh...

Về mặt tiết kiệm năng lượng và nguồn tài nguyên năng lượng, quá trình thi công xây dựng xanh sử dụng những kỹ thuật sau: kỹ thuật thi công và thiết kế phát điện quang phổ của tường kính; sử dụng kỹ thuật nước nóng từ năng lượng mặt trời; sử dụng công nghệ tiềm năng của thang máy; kỹ thuật lắp đặt và cơ sở chọn lựa của tòa nhà năng lượng thấp; kỹ thuật chọn lọc dựa trên nguyên vật liệu tiết kiệm năng lượng; kỹ thuật cải tiến môi trường duy trì của bê tông trong thi công vào mùa đông; kỹ thuật đèn chiếu sáng Led; kỹ thuật đèn điện áp thấp của

khu vực sinh hoạt của công nhân; máy giới hạn điện trong kỹ thuật ứng dụng theo dõi sử dụng điện; thiết bị kỹ thuật tiết kiệm điện; hệ thống tự động tăng áp cung cấp nước; kỹ thuật chiếu sáng không sử dụng nguồn điện truyền thống...

Về mặt sử dụng tiết kiệm tài nguyên và nguồn tài nguyên, ngoài phải chọn dùng nguyên vật liệu cho xây dựng xanh ra còn sử dụng những kỹ thuật sau: sử dụng kỹ thuật tái sinh chất thải rắn (mảnh vụn bê tông, rác thải hữu cơ); sử dụng kỹ thuật rác thải bê tông có gas trong tầng giữ nhiệt và tầng mái bê tông; kỹ thuật vây tường, vây lán, vây bảo vệ có thể quay vòng đối với thi công tại chỗ; kỹ thuật chèn lấp sử dụng vụn vữa xi măng; sử dụng kỹ thuật tái tạo rác thải xây dựng;...

Về mặt lợi dụng tiết kiệm nước và nguồn tài nguyên nước, có sử dụng kỹ thuật: kỹ thuật lợi dụng tuần hoàn nguồn nước rửa xe; kỹ thuật lợi dụng nguồn nước ngầm; kỹ thuật lợi dụng nguồn nước mưa được thu gom tại chỗ; kỹ thuật thoát thải bảo vệ cốt xay bùn đá; kỹ thuật bảo dưỡng bê tông khô tại chỗ; kỹ thuật ứng dụng khai thác nguồn nước không phải nước máy;...

Về mặt tiết kiệm đất đai và bảo vệ tài nguyên đất đai, có sử dụng kỹ thuật: kỹ thuật bảo vệ địa hình sinh thái; kỹ thuật ứng dụng mở rộng nhà ở và văn phòng nhiều tầng kiểu lắp đặt quay vòng tại chỗ; kỹ thuật ứng dụng bảo vệ đất canh tác; kỹ thuật bảo vệ và khai thác tài nguyên đất ngầm; kỹ thuật tiết kiệm đất trong việc bố trí cơ sở tạm thời trong thi công tại chỗ...

Ngoài ra, hình thành cơ chế kích lệ thi công xây dựng xanh. Thông qua tác dụng làm mẫu của công trình mẫu đồng thời dẫn dắt và thúc đẩy thi công xây dựng xanh, thiết lập hoàn thiện cơ chế khuyến khích.

Trước mắt, tiết kiệm tài nguyên trong thi công có một tiềm lực lớn. Có nhiều khác biệt so với nước ngoài đó là, quản lý thi công của đa số các doanh nghiệp thi công trong nước là tương đối rộng, mức độ tiến triển của công tác tiết kiệm tài nguyên là rất thấp, tiềm lực của tiết

kiệm tài nguyên, năng lượng, nước và đất đai là rất lớn. Do đó, trong nước thúc đẩy thi công xây dựng xanh đã thi hành và có cơ sở nhất định.

Khó khăn trong thi công xây dựng xanh

Xúc tiến thi công xây dựng xanh vẫn còn tương đối chậm trong giai đoạn hiện nay. *Đầu tiên là* do giá thành tăng trưởng cùng với mâu thuẫn của hiệu quả kinh tế. Thi công xây dựng xanh đã đưa ra những yêu cầu cao hơn đối với quản lý dự án và quản lý doanh nghiệp. Trước đó do phương pháp quản lý và hạn chế của kỹ thuật thi công nên hiệu quả kinh tế của thi công xây dựng xanh không được rõ rệt. Những tài liệu liên quan cho thấy, cùng một công trình kiến trúc chọn dùng phương pháp kỹ thuật xây dựng xanh với phương pháp kỹ thuật xây dựng truyền thống, đặc biệt là giá thành cao hơn 5% đến 10% so với kỹ thuật xây dựng truyền thống, nhân viên các công ty xây dựng tương quan của nước ngoài cũng đưa ra việc chọn dùng thi công xây dựng xanh và có thể khiến cho giá thành tăng thêm nữa. Căn cứ vào cách quản lý và trình độ kỹ thuật thi công trong nước giai đoạn này, việc thực thi thi công xây dựng xanh thường mang nghĩa là làm tăng giá thành, giảm bớt tiếng ồn ảnh hưởng đến người dân, giảm bớt ô nhiễm môi trường... thông thường cần phải tăng cường cơ sở nhất định và đầu tư nhân viên hoặc phải điều chỉnh thời gian làm việc thi công, trên một mức độ nhất định đã làm tăng giá thành.

Tiếp đó là kỹ thuật thi công và trình độ quản lý lạc hậu. Thi công xây dựng có đặc điểm tính gia công nguyên vật liệu, tính phụ thuộc vào thiết bị, tính kỹ thuật di động và tính lao động tập trung... Trình độ kỹ thuật của các ngành công nghiệp có liên quan ở một mức độ nhất định quyết định trình độ kỹ thuật thi công xây dựng ở thời điểm đó. Các công ty xây dựng của Trung Quốc phổ biến tồn tại hiện tượng năng lực chuyên môn của nhân viên không cao, trình độ quản lý và trình độ kỹ thuật thi công tương đối thấp, tính tùy tiện tương đối lớn, chế độ hóa,

quy phạm hóa còn kém, khó có thể chọn dùng cách thức và phương pháp quản lý khoa học, từ đó dẫn đến giá thành tăng cao, làm cho tính kinh tế của thi công xây dựng xanh hiệu quả kém và hình thành khả năng tuần hoàn kém.

Ba là, chịu hạn chế bởi cơ chế quản lý hiện hành. Trên thế giới đang phổ biến kiểu tổng thầu bao gồm cả thiết kế, thu mua và thi công. Mô hình này khiến cho nhà thầu trong một phạm vi rộng hơn tiến hành một cách linh hoạt hệ thống tài nguyên ưu thế hóa và thống nhất chuẩn bị, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi sáng tạo thi công xây dựng xanh. Trong khi đó ở trong nước, ngành xây dựng tồn tại hiện tượng phân chia nhận thầu các phân đoạn như đầu tư, thiết kế, thi công, cung ứng... Tổng thầu có thể phải chịu hạn chế từ nhiều mặt có liên quan. Muốn dựa vào tình hình thi công để tiến hành điều chỉnh và thay đổi nhưng còn tồn tại nhiều khó khăn, mà việc điều chỉnh liên quan đến lợi nhuận nhiều phía của hệ thống bên ngoài, cùng với việc giá thành cao, khó có thể thực hiện kết hợp một cách tối ưu, từ đó làm cho thi công xây dựng xanh chịu nhiều hạn chế.

Bốn là hỗ trợ kỹ thuật thi công xây dựng xanh còn nhiều bất cập. Những hướng dẫn liên quan và nhiều tiêu chuẩn hiện có là quy định tiến hành nguyên tắc tính chỉ đạo đối với thi công xây dựng xanh. Có nhiều yêu cầu về mặt biện pháp, nhiều định tính, ít định lượng. Cụ thể, vẫn còn thiếu tiêu chuẩn và quy định chi tiết của thi công xây dựng xanh, đặc biệt là chỉ tiêu về mặt định lượng, làm cho thao tác cụ thể gặp nhiều khó khăn. Về mặt thi công xây dựng xanh vẫn cần phải tăng cường nghiên cứu định lượng, hoàn thiện công nghệ thi công xây dựng xanh một cách cụ thể tương ứng. Kỹ thuật quan trọng và kỹ thuật thiết bị của thi công xây dựng xanh phải được nghiên cứu sâu hơn.

Năm là cơ chế khuyến khích chưa hoàn thiện, thiếu động lực, thiếu cơ chế giám sát hành chính và khuyến khích thị trường cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra

sự phát triển chậm chạp của thi công xây dựng xanh. Cơ quan quản lý hành chính xây dựng của Trung Quốc chủ yếu quản lý hiện trường thi công, giám sát thi công, còn đối với thi công xây dựng xanh vẫn chưa có chế độ, hệ thống khoa học để tăng cường xúc tiến và quản lý.

Kiến nghị đối sách trong việc xúc tiến thi công xây dựng xanh

Một là, thay đổi hình thức thi công truyền thống, dựa vào quản lý khoa học và sáng tạo kỹ thuật để hạ giá thành và tăng hiệu quả kinh tế. Thực thi thi công xây dựng xanh cũng không có nghĩa là phải đầu tư lớn, ảnh hưởng đến thời gian thi công và hiệu quả kinh tế. Ngược lại, có thể sẽ nâng cao hiệu quả tổng hợp của doanh nghiệp. Thông qua kỹ thuật, quản lý, tiết kiệm làm tăng thêm hiệu quả kinh tế. Thi công xây dựng xanh trong giai đoạn quản lý quy hoạch phải lập lên phương án thi công xây dựng xanh. Phương án bao gồm các biện pháp bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, tiết kiệm nước, tiết kiệm nguyên vật liệu. Rất nhiều biện pháp sẽ trực tiếp tiết kiệm chi phí cho công trình xây dựng, thúc đẩy quản lý dự án công trình một cách khoa học, hợp lý hơn. Kỹ thuật thi công xây dựng xanh hiện đại chọn dùng phương pháp có hiệu quả duy nhất là thi công công nghệ thông tin.

Hai là tăng cường nghiên cứu lý luận đồng bộ và kỹ thuật hỗ trợ. Tăng cường nghiên cứu chỉ tiêu, tiêu chuẩn định lượng có liên quan. Tăng cường nghiên cứu công nghệ thi công và kỹ thuật thi công có liên quan của thi công xây dựng xanh, loại bỏ những kỹ thuật và công

nghệ lạc hậu, tăng cường bắt nhịp theo công nghệ thông tin hóa và công nghệ hóa trong thi công. Đề xuất thi công xây dựng xanh phải thúc đẩy mở rộng ứng dụng nguyên liệu bảo vệ môi trường loại hình mới và thiết bị kiểu tiết kiệm năng lượng, đồng thời thúc đẩy phát triển những văn kiện về tiêu chuẩn xây dựng, tăng tỉ trọng sản xuất công nghiệp hóa của các sản phẩm xây dựng. Tăng cường nghiên cứu đánh giá hiệu suất kinh tế và hiệu quả của thi công xây dựng xanh.

Ba là tăng cường hướng dẫn và khích lệ các chính sách, thiết lập hoàn thiện chế độ và quy tắc pháp luật của thi công xây dựng xanh. Nghiên cứu thiết lập cơ chế trách nhiệm thi công xây dựng xanh bảo đảm xác nhận xã hội của các bên chính, xúc tiến các doanh nghiệp trong thi công xây dựng xanh hoàn thành đầy đủ mọi trách nhiệm có liên quan, hình thành việc mở rộng phát triển cơ chế quản lý và môi trường bên ngoài của thi công xây dựng xanh. Đưa ra quy tắc pháp luật trong việc xúc tiến thi công xây dựng xanh, thiết lập hoàn thiện hệ thống quy tắc pháp luật chính sách có liên quan. Chọn dùng biện pháp kinh tế như tài chính (tăng phí của biện pháp thi công xây dựng xanh), thuế (giảm thuế)..., thiết lập chế độ khuyến khích có hiệu quả, thiết lập cơ chế thưởng phạt rõ ràng.

La Thục Tương

Nguồn: Tạp chí xây dựng TQ số 15/2013

ND: Khánh Ly

Lễ kỷ niệm 55 năm truyền thống (1958 - 2013) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhì của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1

Ngày 06/11/2013, trường Cao đẳng Xây dựng số 1 đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống và đón nhận Huân chương Độc lập hạng nhì. Tới dự buổi Lễ có đồng chí Nguyễn Thị Doan - Ủy viên BCH TW Đảng, Phó Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam; đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên BCH TW Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các đồng chí Nguyễn Mạnh Kiểm và Nguyễn Hồng Quân - nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng cùng các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, chuyên viên các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các Bộ ngành TW; đại diện các trường đại học, cao đẳng tại Hà Nội, các hiệp hội nghề Việt Nam, và toàn thể cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên (HSSV) của trường.

Tự hào với chặng đường 55 năm thử thách và phấn đấu gian khổ song cũng rất vẻ vang, với những đóng góp to lớn cho sự phát triển ngành của tập thể cán bộ giáo viên, HSSV, đồng chí Nguyễn Ngọc Thúc - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng đã ôn lại những thành tích Nhà trường đạt được trên tất cả các mặt. Về đào tạo, từ trường Trung cấp Kiến trúc Hà Đông chỉ với 4 tổ, ban chuyên môn và 4 phòng chức năng, tới nay trường đã có 7 khoa, 4 trung tâm với tổng cộng 37 tổ chuyên môn và 8 phòng chức năng. Tổng số giáo viên của trường là 253 người, 100% trình độ đại học và trên đại học, trong đó 4% trình độ tiến sĩ, 65% thạc sĩ. Trong 10 năm trở lại đây, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trường thường xuyên cập nhật đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học với trang thiết bị học và hành tiên tiến, do đó tỷ lệ sinh viên xuất sắc ngày càng tăng; nhiều học sinh đã đoạt giải cao trong hội thi tay nghề ASEAN được tổ chức hàng năm. Về quan hệ quốc tế,



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

trường đã đào tạo rất nhiều lớp sinh viên cho nước bạn Lào; có quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới như Úc, Thái Lan, Hàn Quốc... Công tác Đảng, công tác Đoàn thanh niên của trường đều đạt nhiều kết quả đáng khích lệ.

Ghi nhận những thành tích xuất sắc của trường Cao đẳng Xây dựng số 1 trong sự nghiệp trồng người, góp phần nâng cao trình độ nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng, tại buổi Lễ hôm nay, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đã trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhì cho tập thể nhà trường. Cũng trong buổi Lễ, đồng chí Phạm Xuân Điều - nguyên Bí thư, nguyên Hiệu trưởng nhà trường đã vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng nhất; tập thể Phòng Đào tạo và cá nhân đồng chí Nguyễn Ngọc Thúc vinh dự nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Thay mặt Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhiệt liệt biểu dương và chúc mừng những thành tích mà các thể hệ cán bộ, giáo viên, HSSV trường Cao đẳng Xây dựng số 1 đạt được hơn nửa thế kỷ qua. Bộ trưởng nhắc nhở năm 2013 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhì cho tập thể trường CĐXD số 1

XI, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020), với nhiều thuận lợi song cũng không ít khó khăn, thử thách. Để thực hiện thắng lợi và thành công, trọng trách của ngành Xây dựng trong những năm tới, cần phát triển đội ngũ nhân lực có chất lượng với cơ cấu hợp lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và của đất nước. Đây cũng là nhiệm vụ quan trọng đối với các cơ sở đào tạo thuộc ngành, trong đó có trường Cao đẳng Xây dựng số 1.

Trong các nhiệm vụ giao cho trường, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đặc biệt nhấn mạnh công tác định hướng xây dựng nhà ở xã hội làm trọng tâm giáo dục của trường; đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy, coi giáo dục kỹ thuật và dạy nghề là mục tiêu chính của trường, khắc phục sự mất cân đối về ngành nghề và cấp bậc đào tạo, khắc phục tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển của đất nước.

Thay mặt tập thể cán bộ, giáo viên, HSSV của trường, đồng chí Nguyễn Ngọc Thúc đã trân trọng cảm ơn sự quan tâm to lớn của Đảng và Nhà nước; sự chỉ đạo sát sao và những ý kiến tâm huyết của lãnh đạo Bộ Xây dựng đối với trường; và hứa Nhà trường sẽ tiếp tục phát huy truyền thống là một đơn vị anh hùng, nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện thắng lợi đề án nâng cấp trường thành trường Đại học Công nghệ Xây dựng trong tương lai.

Lệ Minh

Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Diễn đàn Đô thị Việt Nam

Ngày 07/11/2013 tại Hà Nội, Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF) đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập (2003 - 2013). Buổi Lễ có sự hiện diện của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch VUF; bà Victoria Kwakwa, Giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam - đồng Chủ tịch VUF. Tham dự Lễ kỷ niệm còn có các Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị và Phan Thị Mỹ Linh; đại diện các ban ngành TW, các hội nghề nghiệp; đại diện các tổ chức quốc tế; thành viên Ban điều phối VUF qua các thời kỳ và các thành viên VUF.

Chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển của VUF được ông Đỗ Viết Chiến - đại diện Cơ quan thường trực VUF, Cục trưởng Cục phát triển đô thị, Bộ Xây dựng khái quát hóa,



Chủ tịch VUF - Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

nêu bật những hoạt động, sự kiện quan trọng của VUF ở trong nước và trên trường quốc tế qua từng giai đoạn, từng thời kỳ, nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ đã được các thành viên thống nhất triển khai. Mục tiêu đó là:



Bà Victoria Kwakwa, Giám đốc WB tại VN, đồng Chủ tịch VUF phát biểu trong buổi Lễ

"Thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khoa học, nghề nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức và cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, các nhà tài trợ nhằm đóng góp tích cực vào việc xây dựng và thực hiện các chính sách quản lý và phát triển đô thị; thực hiện "Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển đô thị tại Việt Nam".

Từ 15 thành viên sáng lập ban đầu, tới nay, qua 10 năm phát triển, Diễn đàn đã quy tụ 97 thành viên thuộc 7 nhóm: Nhóm tổ chức quốc tế tài trợ địa phương; nhóm tổ chức quốc tế tài trợ song phương; nhóm tổ chức phi Chính phủ quốc tế và Việt Nam; nhóm các cơ quan Chính phủ, Bộ, ngành, hiệp hội; nhóm các đô thị (thành phố, thị xã, đại diện UBND các đô thị); và nhóm khối tư nhân gồm 24 doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Đặc biệt, bắt đầu từ giai đoạn 2009 - 2011, nhận thức rõ những nguy cơ của tác động biến đổi khí hậu (BĐKH) cũng như vai trò của cộng đồng trong quản lý và phát triển đô thị, các thành viên đã thống nhất trong giai đoạn tiếp theo cần hướng hoạt động vào những mục tiêu trọng tâm, đó là: Rà soát, đánh giá lại tình trạng đô thị hóa tại Việt Nam, tổ chức các chương trình nghiên cứu về nhà ở; trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề BĐKH, các tác động - ứng phó



Bám nút khởi động trang web của VUF

và thích ứng với BĐKH trong quản lý và phát triển đô thị có sự tham gia của cộng đồng; phát triển đô thị trong hành lang kinh tế Vùng Mêkông; hợp tác công tư (PPP) trong phát triển đô thị. Các hoạt động của VUF giai đoạn này và giai đoạn sau đó (2011 - 2013) đều đề cập đến tăng trưởng xanh và các vấn đề liên quan. Nhiều hội nghị, hội thảo đã được tổ chức với sự tham gia của hàng trăm đại diện các tổ chức trong và ngoài nước: Hội nghị Đô thị Việt Nam thân thiện môi trường, phát triển bền vững (11/2011); Hội nghị Cộng đồng hành động ứng phó BĐKH tại đô thị Việt Nam; Tương lai đô thị Việt Nam - Hành động hôm nay (2012); Hội nghị phát triển đô thị hợp nhất - Hướng tới các đô thị xanh và thích ứng BĐKH ở Việt Nam (2013)...

Phát biểu chúc mừng 10 năm hoạt động và những đóng góp to lớn của VUF đối với quá trình xây dựng phát triển đô thị, Chủ tịch VUF - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã biểu dương và đánh giá rất cao công lao của các thế hệ lãnh đạo và thành viên VUF, của các tổ chức, cá nhân sáng lập; của Ban Điều phối qua các thời kỳ. Bộ trưởng cho biết: Đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam; các đô thị ngày càng khẳng định vai trò động lực, là hạt nhân trong chuyển dịch cơ cấu theo đúng hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh nhiều thành tích đáng khích lệ, công tác xây dựng đô thị vẫn còn nhiều bất cập, thể hiện ở việc tổ chức lập quy hoạch còn chậm; chất

lượng quy hoạch chưa cao; tình trạng tự phát còn tồn tại do phát triển thiếu kế hoạch. Chất lượng đô thị do đó còn yếu; cảnh quan kiến trúc, hạ tầng đô thị; môi trường đô thị... đều là những vấn đề còn nhiều bức xúc. Nhà ở đô thị tuy phát triển mạnh song mới chỉ dừng ở phân khúc nhà ở thương mại; còn nhà ở xã hội chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Những vấn đề nêu trên đặt ra cho các thành viên VUF nhiệm vụ và trách nhiệm nặng nề. Bên cạnh đó, hội nhập với xu hướng chung của thế giới là tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, hướng tới những đô thị xanh - sạch - đẹp - thông minh vì sức khỏe của cộng đồng cũng cần được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của VUF trong thời gian tới.

Thay mặt các nhà lãnh đạo VUF, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ mong muốn: Vì tương lai các đô thị Việt Nam, vì sự phát triển và đổi mới không ngừng của các đô thị, Diễn đàn sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, của các ban ngành TW và địa phương, sự ủng hộ của các tổ chức và cá nhân

trong nước và quốc tế.

Nhân kỷ niệm 10 năm thành lập VUF, bà Victoria Kwakwa gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Bộ Xây dựng trong vai trò Chủ tịch Diễn đàn. Bà nhấn mạnh: Sự tham gia của Bộ Xây dựng có ý nghĩa quan trọng trong việc khởi xướng và điều hành hoạt động của VUF, trong việc định hình tương lai đô thị Việt Nam. VUF là một thành viên quan trọng của Diễn đàn Đô thị Thế giới. WB đang và sẽ luôn đồng hành cùng VUF, cùng Bộ Xây dựng và các đối tác khác tại các địa phương của Việt Nam trong công tác tư vấn chính sách, hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư xây dựng hạ tầng...

Buổi Lễ để lại nhiều dấu ấn khó quên, với rất nhiều hoạt động tôn vinh - trao chứng chỉ công nhận thành viên cho 04 thành viên mới của VUF; ra mắt trang web của VUF; cuộc tọa đàm với những giây phút cảm động ôn lại kỷ niệm, chia sẻ thông tin của các thế hệ lãnh đạo VUF; lễ ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa VUF và các thành viên...

Lệ Minh

Lễ Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và đón nhận Huân chương Lao động hạng II

Ngày 08/11/2013, tại Cung Triển lãm Quy hoạch Quốc gia đã long trọng diễn ra Lễ Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và đón nhận Huân chương Lao động hạng II. Đến dự buổi Lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và Nguyễn Mạnh Kiếm, Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam Trần Ngọc Chính, cùng lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố, Sở Xây dựng, các hiệp hội nghề nghiệp, đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các nhà



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

khoa học và doanh nghiệp trên cả nước.

Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao Huân chương Lao động hạng II cho Hội QHPTĐTVN

(VUPDA) được thành lập ngày 02/02/1998 theo Quyết định số 24/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp về công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị, hoạt động trong phạm vi cả nước. Đây là nơi quy tụ của các cán bộ thuộc lĩnh vực quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị ở Việt Nam.

Chủ tịch Hội Trần Ngọc Chính đã thay mặt toàn thể cán bộ, nhân viên VUPDA báo cáo về chặng đường 15 năm xây dựng và phát triển của Hội, từ 200 hội viên đến nay Hội đã có gần 6.000 hội viên với 32 cơ sở ở khắp mọi miền trên cả nước. Với tôn chỉ, mục đích phù hợp với sự phát triển xã hội, Hội đã tập hợp được đông đảo các cán bộ có uy tín và kinh nghiệm, là các giáo sư, tiến sỹ, các nhà khoa học, quản lý đô thị đã nghỉ hưu và đang công tác tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia hoạt động trong ngôi nhà chung.

Hội thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm nhằm đánh giá và phản biện các chính sách, pháp luật về lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị, cũng như những vấn đề mà xã hội quan tâm như nạn kẹt xe trong giao thông đô thị, ô nhiễm môi trường, sự tăng trưởng dân số không thể kiểm soát, nhất là vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng...

Theo ông Chính, những năm gần đây, Hội



Hội QHPTĐTVN đón nhận Cờ thi đua do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng

chú trọng các hoạt động phản biện xã hội với nội dung đổi mới trong công tác thiết kế quy hoạch đô thị; tham gia đổi mới công tác đào tạo nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị; mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều hội nghề nghiệp quốc tế...

Đặc biệt, Hội đã có nhiều chương trình hoạt động nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, góp ý cho các đô thị, địa phương về những vấn đề bức xúc của đô thị, nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng. Hội đã có báo cáo với Chính phủ, Bộ Xây dựng, với các chính quyền đô thị những chính kiến của mình trên tinh thần thẳng thắn và trách nhiệm...

Trong 15 năm qua, Hội đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo Nhà nước, Bộ Xây dựng và lãnh đạo các tỉnh thành trên cả nước. Đó là nguồn động viên lớn giúp các thành viên trong Hội thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Bộ Xây dựng giao phó. Trong thời gian tới, Hội sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cũng như tinh thần trách nhiệm để đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp phát triển đô thị Việt Nam.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã gửi lời chúc mừng tới lãnh đạo và toàn bộ nhân viên Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, đồng thời đánh giá cao hoạt động của Hội trong suốt thời gian qua. Dù ra đời khá muộn so

với nhiều Hội nghề nghiệp khác, nhưng Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã có nhiều đóng góp tích cực cho các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quy hoạch phát triển đô thị; giúp tuyên truyền kinh nghiệm trong nước và nước ngoài để các địa phương học hỏi kinh nghiệm; tập trung nghiên cứu phê bình đóng góp nhiều ý kiến; nâng cao trình độ các hội viên, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quy hoạch. Bộ trưởng cũng đề nghị lãnh đạo Hội cần tập trung xây dựng Hội phát triển mạnh hơn nữa, nâng cao chất lượng hoạt động để có thể khẳng định vai trò của mình trong xã hội, đóng góp cho việc tổ chức, thực hiện quy hoạch; tập trung nâng cao chất lượng các quy hoạch với vai trò tư vấn, phản biện, tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng quy hoạch.

Bộ trưởng cam kết với vai trò và trách nhiệm của cơ quan Chính phủ quản lý về phát triển đô

thị, Bộ Xây dựng sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động của Hội.

Tại Lễ kỷ niệm, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã trao Huân chương Lao động hạng II cho Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam vì những đóng góp to lớn và quan trọng của Hội trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Hội cũng được Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng Cờ thi đua cho thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2012.

Cũng nhân dịp này, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã tặng Bằng khen và Kỷ niệm chương cho các doanh nghiệp, hội sở, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Hội và trao thưởng cho sinh viên các trường đào tạo kiến trúc - quy hoạch tốt nghiệp loại Xuất sắc.

Quỳnh Anh

Chào mừng ngày Đô thị Việt Nam 8/11 và phát động chủ đề “Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh”

Ngày 20/10/2008, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ký Quyết định số 1519/QĐ-TTg về việc công nhận ngày 8/11 hàng năm là Ngày Đô thị Việt Nam, dựa trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam, Chủ tịch Hiệp Hội các Đô thị Việt Nam. Năm nay, Ngày Đô thị Việt Nam được long trọng tổ chức tại Cung triển lãm Quy hoạch Quốc gia lấy chủ đề là “Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh” do Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Hiệp hội các Đô thị Việt Nam (ACVN), Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam (VUPDA) tổ chức.

Đến tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và Nguyễn Mạnh Kiểm, cùng lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố, Sở Xây dựng, các hiệp hội nghề nghiệp, đại diện các Bộ, ngành Trung ương và



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu tại buổi lễ Chào mừng Ngày Đô thị Việt Nam
các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng, các nhà khoa học và doanh nghiệp trên cả nước.

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị cho biết, trong những năm qua hệ thống đô thị ở Việt Nam đã phát triển nhanh cả về số lượng, chất lượng và quy mô. Tính đến tháng 10/2013 mạng lưới đô thị



Đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng, ACVN, VUPDA tưới cây phát động chủ đề “Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh”

Việt Nam đã phát triển với gần 770 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt hơn 33%. Đô thị đã khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế và là hạt nhân để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở mỗi địa phương, mỗi vùng trên cả nước. Tuy nhiên, chất lượng quy hoạch còn thấp, phát triển đô thị còn bị động, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị chưa được quan tâm và việc thực hiện còn chưa hiệu quả. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị triển khai chậm và thiếu đồng bộ. Kinh tế đô thị chưa bền vững, môi trường đô thị vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề, công tác quản lý nhà nước về đô thị còn nhiều bất cập, chồng chéo và thiếu thống nhất. Bên cạnh đó, hệ thống đô thị Việt Nam đang phải đối diện với những thách thức mới do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chính vì thế việc xác định phương hướng phát triển bền vững thông qua việc xây dựng đô thị theo hướng tăng trưởng xanh là phù hợp và rất cần thiết. Định hướng này cũng là một trong những nội dung

chính của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011- 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 9/2012. Bộ Xây dựng đã và đang hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng và phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu như Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Quy hoạch đô thị. Hệ thống luật, các văn bản dưới luật và hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá công trình, phân loại đô thị đang từng bước tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển đô thị Việt Nam.

Bộ Xây dựng đề nghị các đô thị trên toàn quốc hưởng ứng chủ đề “Xây dựng đô thị tăng trưởng xanh” và có kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện chủ đề này trong năm 2014 và các năm tiếp theo, quan tâm đẩy mạnh công tác chỉ đạo và tập trung triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách quan trọng về phát triển đô thị đã được Chính phủ ban hành. Đồng thời chủ động từng bước xây dựng, quản lý đô thị phát triển bền vững trên cơ sở kế thừa và tiếp thu những tiến bộ, kinh nghiệm thành công của các nước trên thế giới.

Thay mặt Bộ Xây dựng, Thứ trưởng cũng gửi lời chúc đến các đô thị trên cả nước nhân ngày Đô thị Việt Nam, chúc các đô thị tiếp tục phát triển và ngày càng có những đóng góp quan trọng, hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quyền Anh

Hội nghị góp ý kiến cho Báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050

Ngày 30/10/2013 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị góp ý kiến cho Báo cáo

Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn

đến năm 2050. Tham dự Hội nghị có đại diện của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị còn có bà Phan Thị Mỹ Thanh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai và đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng Đồng Nai.

Báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 do đơn vị tư vấn là Phân Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Miền Nam lập gồm 8 phần: Phần mở đầu; đánh giá tổng hợp và tiền đề phát triển; ý tưởng quy hoạch chung thành phố Biên Hòa; định hướng phát triển không gian đến năm 2030; thiết kế đô thị và các dự án chiến lược; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; đánh giá môi trường chiến lược; kết luận.

Theo báo cáo của đại diện đơn vị tư vấn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nằm ở trung tâm khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, là một trong những đô thị hạt nhân của vùng Tp. Hồ Chí Minh và vùng tỉnh Đồng Nai, có giao thông thuận lợi tới Tp. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và nhiều đô thị vệ tinh khác xung quanh, tạo khả năng tương hỗ và chia sẻ chức năng đô thị cho nhau. Bên cạnh đó, thành phố Biên Hòa còn nằm trên các trục hành lang kinh tế đô thị quốc tế và quốc gia (đường quốc lộ, các tuyến đường sắt quốc gia, đường cao tốc, giao thông đường thủy nội địa, các tuyến giao thông trọng điểm...). Về hiện trạng, thành phố Biên Hòa có một số nhược điểm như: Diện tích đất công nghiệp và quân sự lớn, nằm xen lẫn nhau và chia cắt các khu vực chức năng của thành phố; thiếu kết nối giữa các trung tâm đô thị và các khu vực chức năng khác; hệ thống giao thông đơn điệu, cũ và xuống cấp, thiếu đầu tư cũng



Toàn cảnh Hội nghị góp ý

như thiếu khả năng khai thác; những tiềm năng về cảnh quan tự nhiên, văn hóa lịch sử chưa được khai thác; thiếu hình ảnh biểu tượng của thành phố, ngoại trừ hình ảnh thành phố công nghiệp; thiếu biện pháp bảo vệ môi trường, đặc biệt khi nhu cầu phát triển cao, thiếu các không gian đô thị mở và không gian xanh, thành phố không được thiết kế đô thị, không tạo được không gian cảnh quan và dấu ấn riêng cho đô thị; khó khăn về nguồn tài chính cho phát triển đô thị. Tuy nhiên, thành phố Biên Hòa nằm trên miền đất cao và ổn định, thuận lợi cho việc phát triển xây dựng; hạ tầng xây dựng có nhiều công trình dịch vụ công cộng như bệnh viện và các trung tâm chăm sóc sức khỏe đã đáp ứng được quy mô cấp vùng; các cơ sở giáo dục có chất lượng tương đối tốt là cơ hội cho việc phát triển và mở rộng thành phố. Theo báo cáo, ý tưởng về quy hoạch chung thành phố Biên Hòa sẽ được thực hiện như sau: Xây dựng trung tâm hành chính mới của Tỉnh; xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông mới (sân bay quốc tế, đường quốc lộ và đường sắt cao tốc ở phía Nam); xây dựng hệ thống giao thông đa phương tiện, chú trọng giao thông công cộng; xây dựng tuyến đường sắt đô thị và tuyến metro; di dời thành phố Biên Hòa hiện nay là cơ hội làm mới không

gian cho thành phố Biên Hòa và giảm thiểu môi trường ảnh hưởng do khu công nghiệp. Đồng thời, củng cố bảo tồn khu vực xanh có diện tích lớn làm lá phổi xanh và tăng không gian cảnh quan cho thành phố; khai thác tiềm năng của các công trình kiến trúc di sản, các địa điểm có vẻ đẹp tự nhiên nhằm phát triển ngành du lịch sinh thái; chuyển đổi một số diện tích đất quân sự thành các hạt nhân đô thị hóa; tạo ra hình ảnh thành phố mới qua nhiều dự án khác nhau, hướng tới thành phố sinh thái, văn hóa, đáng sống, một thành phố có bản sắc, đặc thù riêng.

Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được thẩm định, phê duyệt và thực hiện sẽ góp phần thúc đẩy phát triển thành phố Biên Hòa thành một đô thị hiện đại, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử, hài hòa với môi trường cảnh quan sinh thái ven sông Đồng Nai, thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn kết với các chiến lược phát triển của quốc gia, vùng Tp. Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai, đồng thời sẽ đưa thành phố Biên Hòa trở thành một thành phố hàng đầu ở Việt Nam và là một thành phố năng động trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

Tại Hội nghị, đại diện Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đã phát biểu đóng góp ý kiến cho Đồ án. Đa số các ý kiến phát biểu đều đánh giá cao sự chuẩn bị và nghiên cứu công phu của đơn vị tư vấn, nhất trí với các nội dung cơ bản của Đồ án. Tuy nhiên,

các đại biểu đã đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu bổ sung hoặc làm rõ một số nội dung liên quan đến lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật như giải pháp chống ùn tắc, úng ngập, cấp thoát nước, tình hình ô nhiễm môi trường từ nước thải... Ngoài ra, một số ý kiến cũng lưu ý một số chỉ tiêu đề cập trong Báo cáo vẫn mang tính chất liệt kê, chưa làm rõ chỉ tiêu về đất dành cho giao thông, thiếu nội dung về hiện trạng chiếu sáng và thông tin liên lạc.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí với các ý kiến đóng góp của các đại biểu và đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu tiếp thu. Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt nhiệm vụ từ năm 2010, khi đó nền kinh tế đang có sự phát triển thuận lợi, nhất là trong lĩnh vực bất động sản và môi trường đầu tư, nhưng sau 3 năm kinh tế đã chững lại, nên việc cân nhắc các giải pháp cũng như đề xuất các định hướng cần phải có những điều chỉnh phù hợp với tình hình chung của Tỉnh và của cả nước.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng đề nghị lãnh đạo UBND tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa tiếp tục chỉ đạo đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung các nội dung trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, sớm hoàn thiện Đồ án trước khi trình UBND Tỉnh phê duyệt.

Bích Ngọc

Khai mạc Triển lãm quốc tế VietBuild Hà Nội 2013

Sáng 13/11/2013, tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam, Hà Nội đã diễn ra lễ Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013 với chủ đề Bất động sản - Trang trí nội ngoại thất xây dựng & Vật liệu xây dựng.

Tham dự Lễ Khai mạc có ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng; lãnh đạo các Bộ, ngành TW như Bộ Khoa học & Công nghệ,

Bộ Công thương, Bộ Ngoại giao, ông Nguyễn Hồng Quân - nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng, ông Trần Ngọc Hùng - Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam, Đại sứ tham tán nước Cộng hòa Hồi giáo Iran, lãnh đạo đại diện các Hội nghề nghiệp, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, lãnh đạo các doanh nghiệp tham gia Triển lãm và khách tham quan.



Thủ tướng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm

Triển lãm Quốc tế VIETBUILD Hà Nội 2013 lần thứ 2 đã thu hút được sự tham gia của gần 1.200 gian hàng với sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến của hơn 300 đơn vị, trong đó có 219 doanh nghiệp trong nước, 53 doanh nghiệp liên doanh và 34 doanh nghiệp, các tập đoàn nước ngoài đến từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ như: Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Đức, Hàn Quốc Thụy Sĩ, Hòa Kỳ...

Phát biểu khai mạc, Thủ tướng Nguyễn Trần Nam cho biết: Triển lãm diễn ra trong tình hình kinh tế xã hội của cả nước đã có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng trên các lĩnh vực. Kinh tế đã có những bước phục hồi, việc tái cơ cấu kinh tế đã đạt được những kết quả bước đầu, niềm tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp tăng lên đáng kể. Hoạt động sản xuất xây dựng và thị trường bất động sản trong những tháng cuối năm 2013 đã có những dấu hiệu khả quan, như việc xử lý hàng tồn kho vật liệu xây dựng đạt được nhiều kết quả, nhất là giảm tồn kho xi măng. Giao dịch các căn hộ chung cư phân khúc diện tích nhỏ tăng mạnh, tình hình tín dụng bất động sản đã bắt đầu có sự chuyển biến, cho vay trong lĩnh vực bất động sản đang thay đổi tích cực hơn, các ngân hàng đã bắt đầu cho vay trở lại đối với các dự án khu đô thị, văn phòng, sửa chữa, nhà cửa. Trong bối cảnh này, Triển lãm quốc tế Vietbuild 2013 tại Hà Nội lần thứ 2, với sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp và các quốc gia có nền công nghiệp tiên



Quang cảnh lễ khai mạc Triển lãm

tiến, là cơ hội quảng bá cho các doanh nghiệp, các kiến trúc sư, nhà thầu xây dựng, các tổ chức hiệp hội xây dựng và bất động sản.

Tại Lễ khai mạc, Ban tổ chức đã trao Cúp vàng và Huy chương vàng Chất lượng sản phẩm ngành Xây dựng VTOPBUILD - bất động sản VIETTOPRE cho các doanh nghiệp tham gia, và công bố giải thưởng Gian hàng đẹp, quy mô và ấn tượng. Các sản phẩm được trưng bày tại Triển lãm Vietbuild Hà Nội lần này hầu hết đều là các sản phẩm có mẫu mã, tính năng và chất lượng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng, trang trí nội ngoại thất ngày càng phát triển như: Bất động sản và các sản phẩm phục vụ cho nhà ở; vật liệu trang trí nội ngoại thất và vật liệu xây dựng; sơn trang trí và chất chống thấm, chất tạo màu công nghiệp và công rào, thiết bị công nghệ máy móc, hệ thống máy năng lượng mặt trời, thiết bị ống nước, khóa và các phụ kiện xây dựng khác...

Trong khuôn khổ hoạt động Triển lãm, Ban tổ chức đã phối hợp với Bộ Xây dựng và Hội Vật liệu Xây dựng thực hiện Hội thảo chuyên đề: "Sản phẩm mới - công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển". Hội thảo này tập trung thảo luận các vấn đề đang được giới xây dựng rất quan tâm hiện nay như: Giới thiệu thiết kế cảnh quan trong thiết kế kiến trúc hiện đại; Tính năng chống rỉ nước của tấm panel cách nhiệt công nghệ Hàn Quốc và hướng dẫn thi công; Ứng

dụng công nghệ Laser trong sản xuất quạt công nghiệp phục vụ ngành Xây dựng; Hệ thống tủ Flexi, tối ưu hóa không gian; Giới thiệu công nghệ lò đốt rác bằng khí tự nhiên; Giới thiệu sản phẩm cửa trượt kính Zamilldoor - bền, đẹp và tiện lợi...

Hội chợ triển lãm là dịp cầu nối các doanh nghiệp và công chúng gặp gỡ, trao đổi, nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng để định hướng chiến lược trong kinh doanh. Hầu hết những gian hàng có quy mô lớn, người tiêu dùng và các đối tác sẽ có cơ hội tìm hiểu sản phẩm toàn diện cùng với những tư vấn cần thiết cho việc tìm hiểu sản phẩm thiết kế xây dựng, kiến trúc cho công trình xây dựng hay cho ngôi nhà của mình. Ngoài ra, Ban tổ chức còn thực hiện các chương trình giao lưu, gặp gỡ giữa các Sở, ban, ngành, các tổ chức Hiệp hội doanh nghiệp tại các tỉnh và thành phố khu vực phía Bắc; các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài cùng với các tập đoàn, doanh nghiệp tại triển lãm nhằm tạo cơ hội tốt cho các nhà quản lý,

các tổ chức xã hội ngành nghề và các tập đoàn doanh nghiệp tham quan tìm hiểu tính năng, mẫu mã và những phát triển đột phá, đổi mới về công nghệ của các sản phẩm xây dựng tại Triển lãm. Chương trình giao lưu sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nắm bắt được nhu cầu phát triển mạnh mẽ của công cuộc hội nhập và phát triển toàn Việt Nam về quản lý và sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng, sản phẩm bất động sản, góp phần cho sự phát triển nhà ở, cảnh quan đô thị và môi trường sống tốt nhất cho con người.

Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013 do Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo và bảo trợ, Công ty tổ chức Triển lãm quốc tế xây dựng VIETBUILD, Công ty tổ chức Triển lãm Quốc tế BĐS VNREBUILD và Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng phối hợp tổ chức sẽ diễn ra từ ngày 13-17/11/2013 tại Hà Nội.

Bích Ngọc

Sự cần thiết phát triển thị trường cho thuê nhà ở tại Mátxcova

Chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả của chính sách nhà ở là sự tăng mức bảo đảm nhà ở cho nhân dân. Điều đó có nghĩa là chúng ta xây dựng càng nhiều thì càng tốt cho người dân thành phố. Tuy nhiên, vấn đề cơ bản của thành phố Mátxcova hiện đại lại chính là cơ cấu nhà ở được xây dựng và phương pháp phân bố nhà ở.

Hàng năm, thành phố đưa vào sử dụng trên 2,5 triệu m² nhà ở, trong số đó nhà ở được xây dựng bằng ngân sách chỉ chiếm 20% - 25% (phần lớn số kinh phí này được sử dụng cho việc di dân chứ không phải để cải thiện điều kiện nhà ở), còn lại là nhà ở được xây dựng bởi các nhà đầu tư sau đó được bán trên thị trường tự do. Và thái độ ứng xử như sau được xem là đúng đắn: Nhiệm vụ của thành phố là phát triển

kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho việc xây dựng nhà ở một cách cân đối và bảo đảm thực hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với các đối tượng công dân được ưu tiên.

Bên cạnh đó, việc tích cực thu hút vốn đầu tư vào xây dựng nhà ở chỉ với mục đích đem bán đang để lại hàng loạt hậu quả tiêu cực. Thứ nhất, giá nhà ở cao và khó vay tín dụng thế chấp bất động sản, làm nảy sinh tình trạng phần lớn số dân đang có khả năng lao động ở Mátxcova không có khả năng tiếp cận thị trường để cải thiện điều kiện nhà ở. Theo số liệu của các tổ chức tín dụng, thời hạn trung bình thanh toán vay tín dụng để mua căn hộ tiêu chuẩn gồm 2 phòng (diện tích 54 m²) đối với một gia đình có thu nhập trung bình (khoảng

142.000 rúp/tháng) là khoảng 15 năm. Thứ hai, nhu cầu về nhà ở tại Mátxcova tương đối cao do nhà ở được xem là khoản đầu tư đem lại lợi nhuận khổng lồ.

Từ đó, các căn hộ do các nhà đầu tư xây dựng không những không giải quyết được vấn đề cải thiện điều kiện nhà ở mà ngược lại làm tăng thêm gánh nặng cho hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng giao thông được xây dựng bằng kinh phí ngân sách. Giải pháp cho vấn đề nêu trên là việc xem xét lại các khái niệm “bảo đảm nhà ở”, “cải thiện điều kiện nhà ở” và đưa ra các biện pháp thích hợp.

Ở nước Nga, việc giải quyết vấn đề nhà ở chỉ được xem là việc mua căn hộ làm sở hữu riêng, trong khi đó trên thế giới chỉ những người có thu nhập cao mới sở hữu nhà ở; họ là những người có khả năng kinh tế để bảo dưỡng, quản lý và bảo vệ nhà ở. Còn những người có thu nhập dưới mức trung bình thường chỉ sống trong nhà ở thuê.

Việc dập khuôn theo mô hình phương Tây là không khả thi, do các điều kiện xã hội, khí hậu và các điều kiện khác ở nước Nga không giống ở phương Tây. Tuy nhiên vẫn cần tăng mạnh tỷ trọng loại nhà ở cho thuê trong tổng khối lượng nhà ở xây dựng mới. Chỉ có như vậy, Mátxcova mới có thể tạo điều kiện cho việc giải quyết vấn đề nhà ở cho tất cả các loại đối tượng dân cư, bảo đảm thu hút được các chuyên gia có trình độ cao và đáp ứng được các tiêu chí là trung tâm tài chính quốc tế. Ngoài ra, việc phát triển thị trường nhà ở cho thuê sẽ giúp nâng cao tính linh động của dân cư, giảm thời gian đi từ chỗ ở đến chỗ làm việc và ảnh hưởng tích cực đến tình trạng giao thông trong thành phố.

Hiện nay, tỷ lệ thuê nhà ở đối với hai loại đối tượng là người từ nơi khác đến Mátxcova để học tập và người dân Mátxcova tương ứng là 80% và 10%. Trong số những người dân Mátxcova thuê nhà để ở thì phần lớn là các hộ gia đình trẻ. Theo các kết quả đánh giá khác nhau, tại thành phố Mátxcova đang có khoảng 300.000

căn hộ cho thuê chiếm 9% tổng số quỹ nhà ở. Xu thế của những năm vừa qua cho thấy tỷ lệ này sẽ tăng. Những số liệu sau được nêu ra để so sánh: Tại các thành phố trên thế giới như Munchen, Berlin, Pari, London và Amxtedam tỷ lệ nêu trên cao hơn nhiều và đạt mức từ 25% cho đến 50%.

Kết quả nghiên cứu mức cầu và mức cung xét theo số phòng của căn hộ cho thấy đối với loại căn hộ một phòng thì mức cầu cao hơn mức cung đến 2,5 lần; đối với căn hộ hai phòng; mức cung cao hơn mức cầu từ 20% đến 25%; số người có nhu cầu cho thuê căn hộ ba phòng cao hơn 2 lần so với số người có nhu cầu thuê căn hộ loại này. Từ đó có thể kết luận rằng thị trường nhà ở cho thuê tại Mátxcova thiếu sự cân đối và chưa phù hợp với mức cầu có khả năng thanh toán.

Một vấn đề khác là trên thực tế, hầu như toàn bộ thị trường nhà ở cho thuê hoạt động trong bóng tối. Những người tham gia thị trường này chưa được bảo vệ. Ngân sách bị thiếu hụt một lượng kinh phí lớn. Cơ cấu xây dựng nhà ở cần được điều chỉnh trong đó một phần vốn đầu tư xây dựng được chuyển đổi thành vốn xây dựng nhà ở cho thuê. Do vậy, nhiệm vụ cơ bản của chính quyền thành phố là tạo điều kiện thu hút vốn của các nhà đầu tư cho việc xây dựng nhà ở cần thiết để giải quyết các vấn đề của thành phố. Xây dựng nhà ở cho thuê cần phải trở thành loại hình xây dựng duy nhất tại nhiều quận, huyện của thành phố.

Thêm vào đó, việc thu hút các nhà đầu tư đầu tư vào loại hình xây dựng nêu trên và tạo điều kiện để hoạt động xây dựng đó thu được lợi nhuận và trở nên hấp dẫn cũng là một trong những nhiệm vụ khó khăn đối với chính quyền thành phố.

Hiện nay công việc đang được triển khai theo hai hướng cơ bản sau: Xây dựng (cải tạo) nhà ở để cho thuê với mục đích kinh doanh (hoặc xã hội) và hợp pháp hoá thị trường nhà ở cho thuê hiện có. Do vấn đề đã vượt ra khỏi

khuôn khổ của một chủ thể Liên bang nên cần phải “điều chỉnh” lại vị trí của thành phố với các Bộ Liên bang. Sự hoạt động phối kết hợp một cách có hệ thống sẽ giúp xác định được chương trình hành động nhằm bổ sung các sửa đổi vào các văn bản pháp luật.

Khó khăn cơ bản đối với việc phát triển xây dựng nhà cho thuê là phải sửa đổi các luật liên bang (như Luật Dân sự, Luật Đất đai và Luật Nhà ở,...). Cần phải thiết lập:

- Thể chế “nhà cho thuê” (việc này đòi hỏi đưa ra định nghĩa);
- Trình tự cấp đất và mục tiêu sử dụng của đất. Hiện nay không xác định được những giới hạn trong đấu giá đất để xây dựng nhà ở chỉ dành cho mục đích cho thuê (cho thuê bất động sản - BĐS);
- Trình tự sử dụng nhà đã được xây dựng với vai trò là “BĐS cho thuê” (công trình không tách rời khỏi chức năng cụ thể);
- Duy trì thể chế “nhà cho thuê dưới hình thức BĐS” khi bán ngôi nhà đó;
- Trình tự cấp căn hộ cho công dân trong “ngôi nhà cho thuê dưới hình thức bất động sản” và các loại hình căn hộ này nếu ngôi nhà được xây dựng mà có sử dụng kinh phí ngân sách.

Với mục đích điều chỉnh về mặt pháp lý các mối quan hệ đối với việc phát triển thị trường cho thuê nhà ở, tháng 12 năm 2012 một nhóm đại biểu của Đuma quốc gia đã trình dự thảo Luật “Về việc bổ sung, sửa đổi Luật Nhà ở Liên bang Nga và các văn bản pháp quy khác do Liên bang ban hành quy định các mối quan hệ trong lĩnh vực cho thuê nhà ở với mục đích phi thương mại”. Dự thảo luật nhằm giải quyết vấn đề về khả năng tiếp cận đối với nhà ở cho thuê (cho thuê BĐS) đối với công dân có mức thu nhập trung bình.

Dự thảo luật kiến nghị:

- Không áp dụng hình thức cấp nhà ở theo hợp đồng cho thuê nhà ở xã hội;
- Đưa vào khái niệm “Quỹ nhà ở cho thuê”, theo đó Quỹ nhà ở cho thuê là tập hợp của các

nhà ở có trong quỹ nhà ở sử dụng cho mục đích phi thương mại, quỹ nhà ở sử dụng cho mục đích thương mại và quỹ nhà ở chuyên dụng;

- Đưa vào khái niệm “nhà ở cho thuê (BĐS cho thuê)”;
 - Quy định việc cho phép bán nhà ở (BĐS) cho thuê như là một tổ hợp thống nhất của bất động sản;
 - Xác định cơ sở cho việc cấp nhà ở cho công dân để sở hữu riêng và (hoặc) sử dụng;
- Mặc dù dự thảo luật đã đề cập việc giải quyết các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực cho thuê nhà ở tuy nhiên cũng chưa đề cập vấn đề xác định hình thức và cơ chế của mối quan hệ tương hỗ giữa nhà nước và các nhà đầu tư tư nhân trong thực hiện các dự án xây dựng nhà ở cho thuê theo hình thức cho thuê bất động sản.

Kinh nghiệm các nước cho thấy để phát triển một cách hiệu quả thể chế nêu trên cần áp dụng cơ chế đối tác Công - Tư. Trong quá trình hình thành hệ thống các mối quan hệ tương hỗ giữa Nhà nước và các nhà đầu tư, không những cần phòng chống sự lạm dụng từ phía những đối tác tham gia thiếu thiện chí mà còn phải xác định các biện pháp khuyến khích của Nhà nước, như:

- Áp dụng mức tiền thuê đất ưu đãi dành cho xây dựng nhà ở có thu nhập trong thời gian xây dựng nhà và khoảng thời gian nhất định sau khi đưa nhà vào sử dụng;
- Xây dựng chính sách tín dụng (tín dụng ưu đãi với sự bảo lãnh của Nhà nước);
- Áp dụng thủ tục ưu tiên đối với việc các cơ quan hành pháp xem xét các vấn đề liên quan đến thực hiện các dự án xây dựng nhà thu nhập thấp cho thuê;
- Phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật bằng ngân sách nhà nước;
- Kết nối trên cơ sở có sự ưu đãi vào hệ thống kết cấu hạ tầng,...

Như vậy, việc thu hút vốn đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê (cho thuê BĐS) sẽ có thể được triển khai sau khi sửa đổi các văn bản luật

tương ứng.

Có thể tin tưởng rằng cơ cấu xây dựng và các nguyên tắc phân bổ nhà ở cần phải được xem xét lại. Tỷ trọng nhà ở cho thuê như một nguồn cơ bản cải thiện điều kiện ở đối với đa phần dân cư cần phải tăng. Sự chuyển sang thị trường nhà ở cho thuê văn minh sẽ tăng mức bảo vệ cho cả người thuê và người cho thuê. Để tạo điều kiện cần thiết cho việc thu hút các nhà

đầu tư vào phân khúc này của thị trường đòi hỏi sự chỉnh sửa pháp luật và hình thành các “quy tắc chơi” giữa thành phố và nhà đầu tư.

I. L. Kievskiy

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Nga, số 6/2013

ND: Huỳnh Phước

Con đường và điều kiện phát triển đô thị và nông thôn ở địa khu Cáp Mật, khu tự trị Tân Cương, Trung Quốc

I. Tình hình địa khu Cáp Mật

Địa khu Cáp Mật nằm ở phía đông của Khu tự trị Tân Cương. Phía Đông giáp với thành phố Tưu Tuyền, tỉnh Cam Túc, phía Nam liền kề với Khu Ba Châu, tỉnh Tứ Xuyên, phía Tây giáp với địa khu Thổ Lỗ Phiên, phía Bắc giáp với biên giới Mông Cổ, tổng diện tích Cáp Mật là 153 nghìn km², dân số 583,9 nghìn người, số lượng nhân khẩu thuộc dân tộc thiểu số chiếm 31,9%, nhân khẩu thành thị chiếm 61,1%. Năm 2012, tổng giá trị sản lượng của toàn khu vực là 27,46 tỷ nhân dân tệ, thu nhập của địa phương là 3,518 tỷ nhân dân tệ, thu nhập bình quân đầu người ở thành thị là 18.520 nhân dân tệ, thu nhập bình quân đầu người của người chăn gia súc và người nông dân vào khoảng 8.510 nhân dân tệ.

II. Đô thị hóa Cáp Mật trải qua 3 giai đoạn phát triển

Giai đoạn thứ nhất là từ năm 1953 - 1958.

Trong giai đoạn này, công tác mở rộng và phát triển ngành than, quặng sắt và sản xuất muối hóa học chiếm vị trí chủ đạo, có tính quyết định đến sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp và kế hoạch tăng trưởng dân số trong đô thị. Cuối năm 1958, tỷ lệ đô thị hóa địa khu đạt 30%, cao hơn so với tỷ lệ bình quân đô thị hóa toàn quốc là 16,3%.

Giai đoạn thứ 2 là từ năm 1959 đến 1978.

Đây là giai đoạn đoạn phát triển đô thị hóa

trì trệ do nền kinh tế khó khăn và cuộc đại cách mạng văn hóa. Tỷ lệ đô thị hóa trong gần 20 năm phát triển chỉ tăng 8%, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm vào 0,26%, nhưng vẫn cao hơn so với cùng kỳ tỷ lệ tăng trưởng của cả nước là 0,08%.

Giai đoạn thứ 3 là từ năm 1978 đến nay.

Đây là giai đoạn địa khu có tốc độ phát triển đô thị nhanh nhất. Năm 1978, tỷ lệ đô thị hóa địa khu là 38%; đến cuối năm 2011, mức độ đô thị hóa địa khu đạt 61,1%.

Biểu tượng đặc trưng đô thị hóa địa khu Cáp Mật chủ yếu là đô thị hóa nhân khẩu. Trước khi mở rộng cải cách, dựa trên những nhu cầu xây dựng của quốc gia, các đội ngũ xây dựng với các nhân công đến từ Tân Cương, các tỉnh thành bên ngoài, cùng đến Cáp Mật để tham gia mở rộng và phát triển nguồn tài nguyên khoáng sản than đá, quặng sắt, muối hóa học... Kể từ thời điểm cải cách và mở cửa, người lao động không ngừng nhập cư đến thành phố. Đây là cách thức chủ yếu để tăng trưởng dân số đô thị, do dân số đô thị tăng trưởng quá nhanh, các vấn đề liên quan tới lịch sử để lại tương đối nhiều, những vấn đề mới xuất hiện cũng không ít, nên giai đoạn đô thị hóa địa khu Cáp Mật được ví giống như đang leo trên sườn dốc.

III. Cơ hội và những khó khăn trong quá trình phát triển đô thị Cáp Mật

1. Những khó khăn còn tồn tại

Khả năng kinh tế

Do địa khu này có một thành phố và 2 huyện, mà cả 2 huyện đều là huyện nghèo (huyện Ba Lý Khôn thuộc huyện nghèo của quốc gia, huyện Y Ngô cũng thuộc huyện khó khăn của Khu tự trị). Trước tình hình thu nhập tài chính như vậy nên cũng khó mà đồng nhất phát triển đô thị và nông thôn.

Thiếu nguồn tài nguyên nước

Cáp Mật thuộc khu vực khô cằn điển hình trong khu vực, chịu ảnh hưởng lớn từ khí hậu, địa hình và địa mạo. Việc phân bố không gian không đều, nguồn tài nguyên nước chủ yếu dựa vào nguồn nước tan chảy từ núi tuyết Thiên Sơn, mưa và nước chảy ra từ những khe hở trên núi đá. Lượng nước bề mặt của địa khu vào khoảng hơn 900 triệu m³, lượng nước ngầm là 741 triệu m³, lượng nước sử dụng bình quân đầu người trong toàn khu vực là 2.129 m³. Do thiếu nguồn nước nên việc duy trì phát triển đô thị và nông thôn địa khu gặp vô vàn khó khăn.

Môi trường sinh thái kém

Những năm gần đây, cùng với sự thay đổi của khí hậu, diện tích đất bị xói mòn trong địa khu cũng ngày càng mở rộng, diện tích đất bị xói mòn vào khoảng 1.700 km², chiếm 1,11% tổng diện tích đất, khu vực bị nhiễm mặn là 66,7 km², chiếm 0,044% tổng diện tích đất, diện tích đất bị xâm nhập mặn là 751 km², chiếm 0,49% tổng diện tích đất địa khu Cáp Mật. Môi trường sinh thái kém đã tạo ra những vấn đề khó khăn cho sự phát triển đô thị và nông thôn địa khu.

Hệ thống đô thị chưa hoàn thiện

Nhìn chung cơ cấu đô thị địa khu vẫn chưa được kiện toàn. Với những khu vực có lượng nhân khẩu vào khoảng 300 nghìn người thì mới có một trung tâm thành phố, với lượng nhân khẩu từ 50 - 100 nghìn người thì không có thành phố nhỏ, với lượng nhân khẩu từ 10 - 40 nghìn người thì có hai trung tâm thị trấn, số lượng nhân khẩu tại các thị trấn nhỏ dưới hạn mức chục nghìn người, thì khó mà phát triển và mức

độ ảnh hưởng bức xạ từ các thành phố cũng bị hạn chế.

2. Cơ hội mới để phát triển

Trước mắt, thời điểm này là cơ hội tốt để địa khu Cáp Mật phát triển, dựa trên “Quy hoạch hệ thống đô thị toàn quốc” (2006 - 2020) nhằm phân bố hợp lý lực sản xuất và phân công các chức năng trong đô thị. Địa khu Cáp Mật được chọn là thành phố sẽ được thúc đẩy phát triển tại khu tự trị Tân Cương. Đồng thời, Cáp Mật cũng được lựa chọn là thành phố trọng điểm phía Tây Trung Quốc để phát triển hệ thống giao thông và là một trong 179 đường giao thông quan trọng của quốc gia.

Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, mạng lưới giao thông của Cáp Mật đã nhanh chóng phát triển. Việc xây dựng và quy hoạch mạng lưới các tuyến đường sắt đã giúp cho giao thông Cáp Mật chiếm một vị trí quan trọng, cũng là điều kiện cần thiết và vô cùng có lợi để nhanh chóng thúc đẩy quá trình đô thị hóa của Cáp Mật. Dựa vào các ngành công nghiệp cơ bản như ngành than hoặc ngành công nghiệp năng lượng mới như năng lượng gió, quang điện... để đẩy nhanh tiến độ xây dựng và chế tạo, lắp đặt các thiết bị đồng bộ như lò luyện than, thiết bị điện lực, các thiết bị khai thác mỏ... Ngoài ra, còn từng bước phát triển vật liệu xây dựng, những sản phẩm nông sản đặc trưng, chế biến thực phẩm, thuốc...

IV. Con đường phát triển đô thị và nông thôn ở Cáp Mật

1. Ý tưởng chung để phát triển tổng thể đô thị và nông thôn địa khu

Địa khu Cáp Mật luôn xác định các chiến lược phát triển khu vực là: Phát triển sinh thái, phát triển ngành công nghiệp, khoa học và công nghệ, nâng cao thu nhập cho người dân. Dựa vào các yêu cầu phát triển chiến lược, luôn duy trì các nguyên tắc lấy con người làm gốc, quy hoạch một cách khoa học, hỗ trợ ngành công nghiệp, tích cực thúc đẩy công nghiệp hóa và hỗ trợ phát triển đô thị hóa, làm sao để tiến trình đô

thị hóa và hiện đại hóa ngành nông nghiệp luôn phát triển hài hòa với nhau. Việc thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển chính là thúc đẩy đô thị phát triển. Việc nâng cao năng suất ngành nông nghiệp và chăn nuôi chính là thúc đẩy ngành nông nghiệp và chăn nuôi phát triển.

2. Ưu tiên phát triển sinh thái và bảo vệ môi trường

Căn cứ vào điều kiện tự nhiên và tình hình điều kiện môi trường sinh thái tương đối kém của địa khu, trong quá trình thực hiện thống nhất phát triển đô thị và nông thôn của địa khu, cần phải ưu tiên và duy trì phát triển sinh thái và bảo vệ môi trường; đưa quan niệm văn minh sinh thái và nguyên tắc vào trong quá trình phát triển đô thị và nông thôn; và tăng cường phục hồi hệ sinh thái tự nhiên và xử lý môi trường.

3. Nâng cao trình độ và chất lượng phát triển đô thị

Dựa vào những thế mạnh của ngành công nghiệp và điểm yếu trong ngành nông nghiệp của địa khu, trong quá trình thực hiện phát triển đô thị và nông thôn của địa khu, cần tập trung vào tốc độ tăng trưởng dân số đô thị; nỗ lực

nâng cao trình độ và chất lượng phát triển đô thị; thực hiện các mục tiêu xây dựng có bố cục hợp lý; thực hiện chủ trương phát triển đô thị và nông thôn theo con đường thâm canh, phủ xanh và thấp cacbon.

4. Phát huy vai trò quy hoạch, hoàn thiện hệ thống quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn địa khu

Một là, nỗ lực tăng cường thúc đẩy công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, mục tiêu trong năm 2013 là hoàn thiện toàn bộ hệ thống quy hoạch đô thị của địa khu, hệ thống quy hoạch thôn trấn (thành phố) và các hương.

Hai là, từng bước kiện toàn các cấp quản lý quy hoạch, hoàn thiện các quy định sao cho đồng bộ, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, nghiêm túc xử phạt những hành vi vi phạm liên quan tới quy hoạch.

Tiêu Cường

Nguồn: Tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc số 3/2013

ND: Bích Ngọc

Xây dựng thành phố thông minh - một xu hướng của thế giới

Trong Kết nối mọi thứ (Internet of Things - IoT), thành phố thông minh là thành phố dùng công nghệ điện toán đám mây và công nghệ thông tin thế hệ mới để quy hoạch đô thị, sử dụng các công cụ của công nghệ thông tin và truyền thông để thu nhận, phân tích và tích hợp thông tin để vận hành thành phố, cuộc sống của người dân, bảo vệ môi trường, an toàn cộng đồng, các dịch vụ đô thị và các nhu cầu khác một cách thông minh, giúp cho nền kinh tế đô thị tăng trưởng, duy trì tiến bộ xã hội và phát triển bền vững. Hiện nay, phát triển đô thị thông minh đang được nhiều nước trên thế giới quan tâm và trở thành một xu hướng cạnh tranh giữa các nước.

Mỹ: Kết nối các nguồn lực của thành phố với Internet

Ngày 28/01/2009, ngay sau khi nhậm chức, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã có cuộc gặp gỡ với ông Sam Palmisano của IBM - Giám đốc điều hành khi đó của Tập đoàn IBM. Tại buổi gặp gỡ này, IBM đã chính thức đưa ra khái niệm "Hành tinh thông minh" và đề xuất với Chính phủ Mỹ một Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin thông minh thế hệ mới. Tháng 9/2009 IBM và thành phố Dubuque, bang Iowa cùng đưa ra tuyên bố sẽ xây dựng thành phố Dubuque trở thành một thành phố thông minh đầu tiên ở Mỹ.

Thành phố xinh đẹp Dubuque có dòng sông

Mississippi chảy qua giữa lòng thành phố và là một trong những thành phố đáng sống nhất ở Mỹ. Với mục tiêu xây dựng thành phố thông minh, Dubuque đã lập kế hoạch sử dụng công nghệ nối mạng để số hóa và kết nối các nguồn lực của thành phố (bao gồm cấp nước, cấp điện, khí đốt, giao thông, các dịch vụ công cộng...), tiến hành quản lý, phân tích và tích hợp dữ liệu để đưa ra sự đáp ứng một cách thông minh đối với các nhu cầu của cộng đồng và giảm thiểu chi phí và tiêu hao năng lượng của thành phố, khiến cho Dubuque trở thành một thành phố đáng sống và có môi trường kinh doanh thuận lợi.

Bước triển khai đầu tiên của thành phố Dubuque trong quá trình xây dựng thành phố thông minh là lắp đặt đồng hồ nước sử dụng cảm biến lưu lượng cho tất cả các hộ dân và các cửa hàng nhằm giảm thiểu sự sử dụng lãng phí và thất thoát nước. Đồng thời, thành phố xây dựng một trung tâm quản lý tổng hợp, tại đó tiến hành phân tích dữ liệu theo thời gian thực, có thể tổng hợp số liệu và quản lý việc sử dụng nước của toàn thành phố. Một việc quan trọng hơn là thành phố Dubuque xuất bản các tài liệu tuyên truyền cho các cá nhân và doanh nghiệp để họ nâng cao nhận thức về phát triển bền vững và tăng cường trách nhiệm sử dụng năng lượng hiệu quả.

Để cải thiện năng lực vận tải cũng như chất lượng phục vụ của hệ thống giao thông công cộng, thành phố Dubuque hết sức chú trọng công tác quản lý và quy hoạch, đồng thời hợp tác với IBM trong việc ứng dụng công nghệ nhận dạng tần số sóng vô tuyến (RFID) để theo dõi hoạt động của các tuyến xe buýt và sự di chuyển của hàng trăm hành khách tình nguyện tham gia Chương trình. Các số liệu thu được sẽ được phân tích để xây dựng các giải pháp quy hoạch giao thông tốt hơn và nâng cao hiệu quả của hệ thống giao thông công cộng.

Liên minh châu Âu: Sử dụng giao thông thông minh để giảm bớt ùn tắc giao thông

Từ năm 2007, Liên minh châu Âu (EU) đã đưa ra và bắt đầu thực hiện một loạt mục tiêu xây dựng thành phố thông minh. Tiêu chí đánh giá của EU đối với thành phố thông minh bao gồm 6 phương diện là: Kinh tế thông minh, môi trường thông minh, quản lý thông minh, giao thông thông minh, cuộc sống thông minh và con người thông minh.

Các kết quả đánh giá cho thấy, Thụy Điển, Phần Lan, Hà Lan, Luxembourg, Bỉ và Áo có những thành phố có mức độ thông minh khá cao. Những kinh nghiệm của các nước EU trong việc cải thiện giao thông, tăng cường sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là những bài học bổ ích đối với các quốc gia khác.

Lấy ví dụ về Thủ đô Stockholm của Thụy Điển. Thành phố này đã đạt được thành tích to lớn trong việc xử lý ùn tắc giao thông trong thành phố. Cụ thể, trên con đường dẫn vào trung tâm thành phố được lắp đặt 18 máy giám sát, sử dụng công nghệ RFID với các hệ thống máy camera và máy quét (scanner) để nhận dạng tự động tất cả các phương tiện. Với những thiết bị này, các phương tiện đi vào hoặc đi ra khỏi thành phố trong thời gian từ 06h30 đến 18h30 các ngày trong tuần (trừ thứ Bảy và Chủ nhật) đều phải đóng phí ùn tắc giao thông, nhờ vậy, mức độ ùn tắc giao thông của thành phố đã giảm 25%, đồng thời lượng phát thải khí nhà kính giảm 40%.

Một ví dụ khác là thành phố Copenhagen của Đan Mạch. Thành phố Copenhagen được biết đến như là một "thành phố xe đạp" đã đạt được những thành công trong việc phát triển giao thông xanh. Để tạo thuận lợi cho người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng là đường sắt có mức độ phát thải CO₂ thấp, thành phố đã thông qua công tác quy hoạch để đảm bảo khoảng cách tiếp cận giao thông đường sắt của người dân từ nơi ở của họ chỉ trong khoảng 01km. Để di chuyển quãng đường 1km đó đến ga đường sắt, phương tiện chủ yếu là xe đạp. Bên cạnh đó, thành phố đã thêm 3

tuyến đường dành cho xe đạp và các trạm dịch vụ sửa xe dọc theo tuyến đường, đồng thời cung cấp các dịch vụ nhận dạng RFID và định vị toàn cầu cho xe đạp để lưu thông của người đi xe đạp không bị cản trở bởi hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

Hàn Quốc: thúc đẩy các dịch vụ hành chính nhà nước thông minh

Từ năm 2003, chính phủ Hàn Quốc đã đề ra chiến lược phát triển “U-Korea”, với hi vọng xây dựng Hàn Quốc trở thành một đất nước thông minh. Chiến lược phát triển này sử dụng hệ thống cảm biến không dây để thúc đẩy việc số hóa các tài nguyên, kết nối mạng, dễ sử dụng và thông minh, và đã làm thay đổi đáng kể xã hội và sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc. Chiến lược này được thực hiện thông qua việc xây dựng chiến lược vĩ mô của quốc gia “U-city”. Trong các thành phố “U-city”, công nghệ thông tin có mặt trong tất cả các bộ phận cấu thành của thành phố, để người dân có thể bất

kỳ lúc nào, ở bất kỳ chỗ nào và sử dụng bất kỳ thiết bị gì cũng có thể tiếp cận và sử dụng các dịch vụ đô thị.

Dựa trên Chiến lược xây dựng “U-city”, tháng 6/2011, thủ đô Seoul của Hàn Quốc đã đưa ra kế hoạch “Seoul thông minh năm 2015” thể hiện tham vọng trở thành một thành phố thông minh tầm cỡ thế giới. Lấy ví dụ, từ năm 2012, người dân thành phố Seoul đã có thể tiếp cận các dịch vụ hành chính cơ bản như cấp chứng nhận, trả tiền thuế, thanh toán hóa đơn... thông qua điện thoại di động. Từ năm 2014, người dân có thể sử dụng điện thoại thông minh, máy tính bảng để tiếp cận 81 dịch vụ hành chính của thành phố Seoul.

Nguồn: <http://design.newscn.com/2013-10-14/237012.html>

(Trang thông tin xây dựng Trung Quốc ngày 14/10/2013)

ND: Khánh Ly

KHAI MẠC TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VIETBUILD HÀ NỘI 2013

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2013



Thủ tướng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Quang cảnh lễ khai mạc Triển lãm